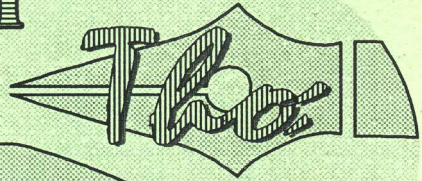


XUÂN NÙNG

Một miền

Văn



Hà Nam

(NGHIÊN CỨU PHÊ BÌNH THƠ VĂN)

HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT HÀ NAM

- 2005 -

XUÂN NÙNG

Một miền thơ văn

Hà Nam

ĐC: 408

LỜI NÓI ĐẦU

Năm 2002 theo giấy phép xuất bản của Sở Văn hoá thông tin tỉnh Hà Nam tôi đã in quyển bình thơ nhan đề "*Một vùng thơ Hà Nam đương đại*". Tập sách đó gồm 1 bài nghiên cứu về tình hình thơ Hà Nam 5 năm từ 1997 đến 2001, 17 bài bình luận về 17 tập thơ và 33 bài bình các bài thơ hay của Hà Nam.

Từ đó đến nay trong tỉnh Hà Nam đã xuất hiện nhiều tác phẩm mới, có cả những tác giả mới. Do đó tôi viết tiếp cuốn sách này bổ xung thêm 13 bài bình thơ, 4 bài bình luận văn xuôi và 3 bài nghiên cứu về thơ ca.

Trong cuốn sách mới này tôi đã bình luận và trích dẫn thơ văn của 91 tác giả, trong đó có 68 tác giả của Hà Nam.

Tôi xin chân thành cảm ơn tất cả các tác giả.

Mong được bạn đọc chỉ giáo những chỗ thiếu sót.

Ngày 30 tháng 4 năm 2005

Xuân Hùng

PHẦN I BÌNH LUẬN VÀ GIỚI THIỆU THƠ HÀ NAM

CẢM NHẬN THƠ**(BÀI ĐĂNG TRÊN TẠP CHÍ SÔNG CHÂU SỐ 41)**

Với tầm nhìn có hạn tôi xin góp một số ý kiến về thơ trên 3 số tạp chí Sông Châu gần đây. (Số 38, 39, 40).

Nhiều bài thơ trên 3 số tạp chí đã thực sự bắt nguồn từ những rung động cảm xúc sâu sắc của trái tim.

Thương quê mình nghèo khó tác giả Mai Hồng Hà viết:

"Hà Nam mình nghèo khó đi lên
 Từ gánh mạ oằn vai chị gánh
 Từ cây lúa trở dòng
 Thao thức giọt mồ hôi"

(Bài "Quê mẹ" trang 23 tạp chí Sông Châu số 38)

Lê Trung Hợp thương người mẹ suốt cuộc đời vất vả:

"Lá phơi chưa toả nắng
 Khói cay sè nước mắt Mẹ tứa ra
 Bây giờ nhà có bếp ga
 Tiếc Mẹ không còn nữa
 Ở lấm, Mẹ ngày xưa quét lá
 Cho con ăn miếng chín nhen người"

(Bài "Nhớ Mẹ xưa quét lá" trang 22 tạp chí Sông Châu số 39)

Các tác giả còn khai thác chất thơ từ những chi tiết hiện thực sinh động. Ở bài "Tâm sự thợ cày" trang 10 Tạp chí Sông Châu số 38, tác giả Vũ Chí Thúc đã viết:

"Giàn lưới cày sáng loáng phía sau
 Tôi nhấn ga đất cuộn lên như sóng
 Theo sát đường cày, lúa ngô xanh thắm
 Mùa tiếp mùa ấm áp những niềm vui"

Chất thơ trong 3 Tạp chí Sông Châu còn được hiện lên từ cái đẹp trong thiên nhiên và cuộc sống. Đây là một cảnh đẹp của đồng quê.

"Chiều qua gặt lúa chín vàng
 Sáng nay ngô trái từng hàng xanh xanh
 Cánh đồng thay áo sao nhanh
 Để con bê nhỏ ngỡ mình lạc quê"

(Bài "Đồng quê" của Trương Thanh Hải trang 17 tạp chí Sông Châu số 40). Chỉ 4 câu thơ giản dị mà làm hiện lên cả một hoạt cảnh nhộn nhịp trên cánh đồng quê. Đoàn người phía trước gặt lúa vàng. Đoàn người tiếp theo cày lật đất nâu lên. Đoàn người đi sau đem những cây ngô đã ương trong bầu đưa vào lòng đất, trải ra một màu xanh. Ta thấy một sức sống một sự chuyển mình của đất và người ở nông thôn.

Trên đây là những nét tiêu biểu của chất thơ trong thơ của 3 số tạp chí Sông Châu. Tuy nhiên trong bầu trời thơ của các tác giả, còn một vùng trời chưa được khai thác. Đó là trí tưởng tượng của các nhà thơ chưa được phát huy. Nhà thơ Chế Lan Viên từng ví thơ như dòng sông giữa hai bờ thực và ảo. Chưa vận dụng được trí tưởng tượng là một điểm yếu trong không gian nghệ thuật của thơ trên 3 số tạp chí Sông Châu.

Cảm nhận chất thơ như trên mới là yêu cầu đầu tiên và tối thiểu của việc lĩnh hội cái đẹp trong thơ. Về mặt nội dung nhiều bài thơ trong 3 số Tạp chí đã thể hiện nét đẹp nhân văn trên nhiều mặt. Có những câu thơ làm ta tin yêu vào cuộc sống và con người.

"Đêm sáng tiếng cười ngát nở

Màu ấm no rực cả trắng cao

Hòm tràn rồi, lẫm tràn rồi, lấy gì đây quây thóc

Lại niềm vui ngày càng gáy xôn xao

(Bài "Đêm mùa" của Trương Anh Thơ số 38 Tạp chí Sông Châu).

Có những câu lại làm ta xót thương, thông cảm với những người thương binh đã mất đi một phần thân thể trong cuộc chiến đấu và sẵn sàng coi mình như

đôi dép để nâng bước người thương:

"Nếu anh chẳng được bước dài trên đất

Hãy coi em là đôi dép thần kỳ

Với tình em bên chiếc xe ba bánh

Sánh vai cùng nâng tiếp bước anh đi"

(Bài "Lời thương" của Chu Thị Phương Lan tạp chí Sông Châu số 39)

Chất nhân văn còn hiện ra trong những câu thơ về truyền thống tốt đẹp từ xa xưa truyền lại, gắn với kỷ niệm thời thơ ấu:

"Ước mong tìm lại chính mình

Bài đồng dao cũ, mái đình cổ xưa

Lá sen, lá súng che mưa

Nghiêng đầu cùng bạn xế trưa quên về"

(Bài "Nuối tiếc" của Ngọc Hoa tạp chí Sông Châu số 39)

Có những câu thơ lại gợi ra những xúc cảm thẩm mỹ trong sáng và chất nhân văn lại ẩn giấu đằng sau những câu thơ về phong cảnh đất nước, nói phong cảnh mà gợi cho ta cả một thời lịch sử, bao gồm cả huyền thoại và những chiến công:

"Khát khao ngọn gió trùng khơi

Núi như cổ tích kể lời xa xưa

Biển trời đông bão, nắng mưa

Hạ Long xanh vẫn bốn mùa êm ru"

(Bài "Bốn mùa" "Hạ Long" của Phạm Lê tạp chí Sông Châu số 40).

Một số bài thơ đã đạt đến vẻ đẹp tạo hình, dựng lên những hình tượng thơ sinh động. Đây là bốn câu trích trong bài "Vầng trăng lòng mẹ" của Trần Như Thức TCSC số 38.

"Mẹ chống gậy vào nghĩa trang từ sớm

Thăm các con vì nước hy sinh

Mồ liệt sỹ thẳng hàng ngang dọc

Ngát hương trầm mẹ thấp đở bình minh"

Và đây là bài thơ "Gửi gió" của Nguyễn Công Tú Tạp chí Sông Châu số 39

"Một nén hương thơm, một bông hồng

Nhờ gió gửi đi khắp non sông

Toả thơm tất cả mồ liệt sỹ

Gọi chút thành tâm triệu tấm lòng"

Qua hai bài thơ trên ta thấy cái khéo của các tác giả, chỉ nói một người mẹ hay một nén hương mà cho ta

thấy hình tượng cả đất nước đang viếng thăm các nghĩa trang, cả đất nước đã tôn vinh và biết ơn những người đã khuất.

Một số ít bài thơ trong 3 số tạp chí đã chú ý đến chất suy tưởng.

Bài "Hạt thóc" của Nguyễn An Ninh - Tạp chí Sông Châu số 38:

"Hạt thóc gieo mầm sống

Nhỏ bé trong tay người

Trước mệnh mông đồng ruộng

Tôi lặng nhìn tay tôi"

Bài thơ gợi cho ta rất nhiều hướng liên tưởng về vai trò người gieo hạt, người nghệ sĩ, nhà giáo, nhà lãnh đạo ..v.v..trước mệnh mông lịch sử.

Bài "Hãy là" của Đinh Viết Bảo - Tạp chí Sông Châu số 39:

"Chỉ là chiếc lá nhỏ thôi

Mà sao trái đất bầu trời thêm xanh

Có em không khí trong lành

Hoa thơm trái ngọt quả xanh muôn đời"

Bài thơ cũng gợi cho ta suy nghĩ về vai trò rất quan trọng của những vật tưởng như rất tầm thường. Đây là hai bài thơ "Gợi nhiều hơn nói". Có nhà thơ đã nói:

"Thơ là một sự gợi ý để đánh thức trời thơ sẵn có trong lòng người đọc".

Tiếc rằng trong 3 số Tạp chí Sông Châu các bài thơ còn nói nhiều hơn gợi. Nhược điểm này cộng với ngôn từ chưa được chọn lọc kỹ, trí tưởng tượng chưa được phát huy làm cho câu thơ thường thiếu độ hàm súc.

Những hạn chế nói trên làm cho từng bài thơ trên. Tạp chí Sông Châu chưa đạt đến sự hài hoà cả trên bốn mặt: Tình cảm sâu sắc, tứ thơ hay, hình ảnh sinh động, ngôn từ chọn lọc.

Với những điểm mạnh đã đạt được tôi tin rằng tương lai sẽ mỉm cười với các nhà thơ của Hà Nam để có những bài thơ toàn bích lưu lại cho quê hương thân yêu.

Ngày 15/9/2003

GIỚI THIỆU TẬP THƠ

"THƠ PHỦ LÝ"

CỦA CÂU LẠC BỘ THƠ VĂN SÔNG CHÂU

Được sự phân công của Ban Chủ nhiệm Câu lạc bộ thơ văn Sông Châu thị xã Phủ Lý tôi xin giới thiệu tập thơ "Thơ Phủ Lý".

Việc giới thiệu sẽ nhằm phát hiện những nét hay, nét đẹp của tập thơ, những bài thơ tiêu biểu. Do đó có vị sẽ cho rằng tôi làm cái việc "mẹ hát con khen hay". Vâng! Mẹ hát con khen cũng không có lỗi gì, miễn là phải hay thật.

Tôi muốn dành buổi giới thiệu hôm nay để trình làng những bài thơ tiêu biểu của các nhà thơ và cả những người mới làm thơ, những đại chúng đang còn khuất lấp ở phía sau mà nay đã có những bài thơ tiêu biểu.

Bài giới thiệu gồm có 3 phần:

1. Giới thiệu 12 bài thơ tiêu biểu cho 5 loại đề tài
2. Giới thiệu 13 bài thơ tiêu biểu cho 9 thể thơ
3. Giới thiệu 4 bài thơ tiêu biểu cho 4 loại thơ

I- 12 BÀI THƠ TIÊU BIỂU CHO 5 LOẠI ĐỀ TÀI:**A- Đề tài Đảng, Bác Hồ, Tổ quốc:**

Trong tập thơ có 19 bài viết về đề tài Đảng, Bác Hồ, Tổ quốc.

1. Bài thơ "Mừng Đảng 73 tuổi": (trang 12) của bác Nguyễn Văn Kỳ - phường Trần Hưng Đạo có 8 câu, xin trích 4 câu cuối:

"Bão tố cuồng phong không nghiêng ngả
Mục tiêu, lý tưởng, vững niềm tin
Đón xuân, mừng Đảng, vâng lời Bác
Đổi mới không ngừng dựng tiến lên"

Bốn câu thơ giản dị đã đề cập đến 8 định đề, 8 sự kiện cũng là 8 vấn đề tình cảm. Có người sẽ cho rằng đây là những khẩu hiệu. Vâng! Đó chính là những khẩu hiệu và cũng là những chân lý cơ bản, những tình cảm sâu sắc nhất của 80 triệu dân ta. Đặc biệt câu cuối đề cập đến sự đổi mới, đổi mới không ngừng.

Đổi mới đã mang lại niềm vui lớn có chiều sâu cho mỗi tâm hồn Việt Nam yêu nước.

Đổi mới là sự sống còn của Đảng ta. Đổi mới đã thức tỉnh cả dân tộc ta. Đổi mới xứng đáng trở thành tứ thơ hay nhất khi nói về Đảng. Bài thơ này cùng với

bài "Mừng Đảng 73 xuân" của bác Trần Bình - phường Hai Bà Trưng là hai bài mở đầu, đóng vai trò linh xương cho toàn tập thơ.

2. Bài thơ "Thanh Dao": (trang 29) của bác Nguyễn Quốc Thụy - phường Lê Hồng Phong là một bài tiêu biểu về đề tài Tổ quốc:

"Chém vào đá núi đao không sút
Một thời mã tấu diệt đồn Tây
Thanh đao ấy bây giờ chẻ lạt
Bện dây sắn, xỏ mũi trâu cày"

Đây là một bài thơ rất hàm súc, chỉ có 4 câu 28 chữ mà nói được 3 vấn đề cực lớn:

- Một là: Thanh đao chính là hình tượng của dân tộc Việt Nam, chất thép Việt Nam.

- Hai là: Thể hiện lòng yêu hoà bình, thanh đao rèn để sản xuất, vì có bọn xâm lược mới phải biến thành mã tấu.

- Ba là: Thể hiện một quan niệm nhân sinh đẹp, một động cơ trong sáng của người chiến sĩ, đánh giặc xong lại về cày ruộng, không đòi hỏi gì, không kể lễ công lao.

Đó là hai bài thơ tiêu biểu trong số 19 bài về đề tài Đảng, Bác Hồ, Tổ quốc.

B- Loại đề tài thứ hai là "Quê hương":

Trong tập thơ có 23 bài về đề tài này, đủ mọi cung bậc rung động về tình quê. Xin giới thiệu một bài tiêu biểu. Bài "Quê hương" của tác giả Nguyễn Duy Mẫn xã Thanh Châu (Trang 34):

*"Quê hương áp ủ vạn tình yêu
Bóng mẹ lom khom dưới nắng chiều
Xin nguyện được làm cây đuốc nhỏ
Góp lửa cho quê hết đói nghèo"*

Bài thơ có một cảm xúc chân thành tha thiết. ánh sáng của bài thơ phát ra qua tiêu điểm là hai chữ "lom khom". Ta đã biết trong vật lý khi một nguồn sáng phát ra, các tia sáng đều hội tụ ở một tiêu điểm rồi mới chiếu sáng ra ngoài. Hai chữ "lom khom" chính là tiêu điểm của bài thơ này.

Hai chữ nôm na, giản dị mà biểu thị 2 tình cảm lớn:

- Lòng trắc ẩn về sự vất vả nghèo nàn của quê nên mẹ đã còng mà còn phải làm lụng dưới nắng.
- Tình thương của con đối với mẹ. Hai tình cảm quyện vào nhau. Mẹ là hình ảnh của quê hương. Quê hương là bóng mẹ.

Nếu thiếu hai chữ "lom khom" thì câu thơ đầu sẽ là

sáo rỗng vì áp ủ vạn tình yêu cụ thể ra sao. Có câu thơ thứ hai và đặc biệt là hai chữ "lom khom" đã chứng minh cho sự áp ủ tình yêu ở câu đầu và dẫn đường cho 2 câu dưới muốn đóng góp vào sự nghiệp xoá nghèo ở quê hương. Cái đẹp của bài thơ là cái đẹp của cảm xúc.

C- Loại đề tài thứ 3 là "tình cảm":

Tình yêu, tình gia đình, tình người. Loại này gồm 40 bài, xin giới thiệu 5 bài tiêu biểu:

1. Bài "Tổ ấm trăm năm": của Kim Cương xã Thanh Châu (trang 75) xin trích 6 câu:

*Lấy nhau từ thuở ban hàn
Ba mươi năm trải phong trần bên nhau
Tình yêu trọn vẹn trước sau
Vẫn như cái thuở ban đầu mới yêu
Vẫn thơm ngan ngát hương cau
Vẫn tươi roi rói cánh trâu mới tằm*

Bài thơ đã sử dụng được những biểu tượng đẹp nhất của tình yêu nơi thôn quê là cau và trâu. 6 câu thơ này có thể coi như lịch sử tình yêu của hàng triệu cặp vợ chồng già đã qua hai cuộc kháng chiến. Vấn đề là bây giờ phải bảo vệ tình yêu đó vẫn ngan ngát

hương cau và tươi roi rói như trầu mới tằm.

2. Bài "Thương chồng": của Nguyễn Văn Hà - phường Lê Hồng Phong (trang 63) xin trích 6 câu:

*Thương chồng ốm yếu xót lòng
Đêm đông chăm sóc nằm chung một giường
E khi buốt gió lạnh sương
Tắm chăn đắp hở đêm trường cực thân
Nếu còn một chút hơi xuân
Nguyện đem sưởi ấm phu quân tiếc gì.*

Bài thơ đã thể hiện một tấm lòng vị tha của người vợ thương chồng. Người vợ già mong còn được một chút hơi xuân không phải để cho mình mà là để sưởi ấm phu quân qua những ngày ốm yếu giữa mùa đông giá.

3. Bài "Tình già": của Đỗ Minh Tuân - tổ thơ phường Trần Hưng Đạo (trang 64) xin trích 4 câu:

*Công tác vẹn tròn tôi về nghỉ
Việc nhà bà đảm thảng ngày qua
Cháu con khôn lớn ta thêm tuổi
Tôi vẫn long lanh đáy mắt bà*

Bài thơ này rất giản dị, đã có hai mắt thơ rất sáng. Đó là hai chữ "long lanh". Bài thơ này cùng hai chữ "long lanh" đã gợi cho ta nhớ đến huyền thoại về tình

yêu giữa Thượng đế và Con người. Ban đầu Thượng đế ban cho con người một thứ mà muôn vật khác không có. Đó là tình yêu. Nhưng rồi tình yêu ấy đẹp quá làm Thượng đế phát ghen tìm cách phá mãi không được, Thượng đế bèn bắt người chồng chết trước. Sau đó Thượng đế xuống kiểm tra gặp một bà già đang ngồi ngưỡng cửa nhìn ra xa và trong đôi mắt của bà vẫn long lanh hình dáng của người chồng. Thượng đế biết là mình đã thất bại.

Hai chữ "long lanh" vừa là mắt của bài thơ vừa là ẩn dụ để nói về một mối tình không phai nhạt lúc về già.

4. Bài "Nhớ ông": của Trần Xuân Hội - tổ thơ xã Phù Vân (trang 73) xin trích 4 câu:

*Ông trồng được một vườn na
Hương na thơm ngát như là hương cau
Na dành cho cháu ngọt ngào
Vườn na thơm cả trăng sao đêm hè.*

Câu thơ thứ 4 đã đạt đến độ thăng hoa. Chắc tác giả đã tha thân nhiều đêm trong vườn na dưới trăng sáng mới có được câu thơ ngọt ngào ấy. Thơ viết ra rồi ta thấy rất giản dị, tưởng như ai cũng có thể viết ra. Vậy mà những câu thơ giản dị mà hay thường

được thai nghén lâu ngày trong tình cảm của người viết. Ai từng trần trở nhiều về tình người ở trong vườn na thì những câu thơ đó mới hiện ra ở trong đầu và trên ngọn bút.

Theo lý luận văn học thì câu thơ thứ 4 này đã viết theo phương thức biểu hiện. Có 2 phương thức nghệ thuật cho các ngành. Đó là phương thức tạo hình và phương thức biểu hiện. Các ngành nghệ thuật như hội hoạ điêu khắc phải chọn 1 trong 2 phương thức. Còn thơ được dùng cả 2 phương thức và câu thơ trên là một ví dụ rất thành công của phương pháp biểu hiện.

5. Bài "Ôn nhớ nhà nông": của tác giả Vũ Oánh - phường Hai Bà Trưng (trang 82). Cả bài thơ chỉ có 6 câu:

Hạt thóc là ngọc là vàng

Gạo thơm nuôi dưỡng sống chàng sống em

Ôn ai vất vả ngày đêm

Để anh tươi trẻ em thêm má hồng

Yêu nhau nghĩa mặn tình nồng

Công lênh trời bể nhà nông cấy cày.

Nhà lý luận văn học Viên Mai (Trung Quốc) có nói: Thơ phải đậm mới hay nhưng phải là cái đậm sau khi

đã nông. Tác giả đã nhắc đến cái đẹp của con người trước hết do hạt gạo làm nên. Hiện nay có một số người khá lên đã coi khinh những người chân lấm tay bùn. Đất nước rất hiếm người còn bị đói lại có gạo xuất khẩu, nhiều người có thể coi thường hạt gạo. Nhưng làm ra hạt gạo lại khó nhọc và được ví như công lênh trời bể. Nhà quân sự Vũ Cốc đồng thời là nhà thơ của Hà Nam cũng có bài thơ chữ Hán về Nông gia có hai câu:

Nhất sinh tân khổ đích nông gia

Cốc mễ luân lao hiến tạn hoa

(Nghĩa là: Khổ nhất là nhà nông, để làm ra thóc gạo phải hy sinh cái đáng đẹp của mình).

Tác giả đã suy nghĩ sâu sắc nên tình đã nông rồi mới diễn cảm bằng những lời mộc mạc.

D- Loại đề tài thứ 4 là các ngành, các giới:

Gồm 20 bài. Xin giới thiệu một bài tiêu biểu

1. Bài "Chị tôi": của tác giả Phạm Quyết - phường Lương Khánh Thiện. Bài có 14 câu, xin trích 8 câu:

Gửi cho non cả tuổi xuân

Gửi cho nước cả trắng ngần thịt da

Nụ hồng để lại cho hoa
 Tóc dài để lại rưng già cho cây
 Bây giờ chị trở về đây
 Dầu rồi hương sắc của ngày xuân xưa
 Chỉ còn ánh mắt mộng mơ
 Hoa quỳnh nở muộn còn chờ trăng lên.

Bài thơ mang một ý nghĩa nhân văn lớn, một tình thương đối với những người bất hạnh. Nhưng tình thương thôi chưa đủ. Những người chị này không phải bẩm sinh đã bất hạnh cũng không phải do ngẫu nhiên bất hạnh. Họ đã có cả một thời con gái trắng ngần thịt da và tóc dài xanh ngần ngắt. Họ đã hy sinh cả tuổi xuân vì sự nghiệp kháng chiến. Bài thơ đã biết ơn và tôn vinh sự hy sinh ấy. Suy cho kỹ họ còn đau hơn là mất chân mất tay vì chân tay mất đi có thể làm chân tay giả để dùng tạm còn tuổi xuân đã qua đi thì không có cách gì lấy lại.

Thương và tôn vinh cũng vẫn chưa đủ. Chiến thắng có vinh quang và có cả mất mát thậm chí bi thảm nhưng nhà thơ không được phép bi lụy. Bài thơ còn thể hiện một niềm tin mở ra hy vọng rằng bông hoa nở muộn ấy vẫn là hoa quỳnh và nếu gặp trăng

lên nó sẽ thơm ngào ngạt dưới bóng nguyệt. Ta biết nhiều chị ngoài 40 tuổi vẫn lấy được chồng. Bài thơ thể hiện một lòng nhân ái trong điều mong đợi ấy.

E- Loại đề tài thứ 5 là văn hoá xã hội:

Gồm 35 bài, xin giới thiệu 3 bài tiêu biểu:

1. Bài "Nhớ Nam Cao": của tác giả Trịnh Đạt - phường Quang Trung (trang 121). Xin trích 6 câu:

Chí Phèo, Lão Hạc nơi nao
 Kiếp người xưa đã đi vào lãng quên
 Bến sông làng xóm bình yên
 Quê nghèo xưa đã bùng lên đẹp giàu
 Nghìn sau man mác nỗi đau
 Trang văn nức nở giọt sầu nhớ anh

Bài thơ có sự ngậm ngùi khi nói đến một nhà văn liệt sĩ, song cũng bùng lên sự đổi đời của quê hương và sự tôn vinh đối với Nam Cao. Bài thơ cũng nhắc chúng ta không quên quá khứ đau thương dù cuộc sống hôm nay đã đổi mới. Càng có hạnh phúc hôm nay ta càng nhớ đến những người xưa và mỗi trang văn cũng như con người vẫn nhỏ những giọt nước mắt thương cảm và biết ơn.

2. Bài "Ta ở trên đời": của tác giả Chu Hoan xã

Phù Vân (trang 116). Xin trích 4 câu đầu và 6 câu cuối:

- 4 câu đầu:

Ta sinh ra ở trên đời
 Cũng tai, mắt, mũi ngang trời kém chi
 Có chân vạm dậm thân kỳ
 Đầu cao lưng thẳng thiết gì uốn cong

- 6 câu cuối:

Một lòng trung với Đảng mình
 Trọn nghĩa với nước trọn tình với dân
 Biết rằng còn lắm gian truân
 Vãn thom ngào ngạt hương xuân, hoa nhài
 Ung dung ta ở trên đời
 Sống trong thanh thảo sáng ngời hào quang
 Bài thơ phẳng phất một phong cách Nguyễn Đình
 Chiểu lắm liệt hiên ngang, quang minh, bất khuất, yêu
 trung thực, ghét gian tà, sống trong sạch thanh thảo.
 Hình ảnh trong bài thơ sinh động, ngôn từ gọn đật được
 sự hài hoà trên 3 mặt tứ thơ, hình ảnh và tình cảm.

3. Bài "Phút giây luyện tập": của Phạm Trọng
 Hoè xã Thanh Châu (trang 140). Bài thơ chỉ có 6 câu:

Hương đồng gió mát trăng tà
 Vẳng hồng hé mở tiếng gà tan canh

Hoa mai hoa bưởi đầy cành
 Bồng bênh mây trắng xây thành non tây
 Phút giây luyện tập vẩy tay
 Sao như sống lại những ngày xuân xanh.

Điểm đặc biệt của bài thơ này là đã tìm ra cái đẹp, chất thơ trong những vấn đề tưởng như không có gì là thơ là đẹp. Tác giả đã có con mắt xanh tinh đời đối với thể dục. Thể dục chỉ là sự khởi động cho một ngày sống và làm việc. Tác giả đã diễn tả nó giữa thiên nhiên đầy thơ mộng, đưa đến cho người tập một sự hồi xuân kỳ diệu của cả thể chất và tâm hồn.

Trên đây tôi đã giới thiệu 12 bài thơ tiêu biểu cho 5 loại đề tài trong tuyển tập thơ. Đó là nói về nội dung thơ.

!!- NÓI ĐẾN THƠ BÊN CẠNH NỘI DUNG KHÔNG THỂ QUÊN VẤN ĐỀ HÌNH THỨC:

Điểm đầu tiên về hình thức là người ta chú ý đến thể thơ. Tuyển tập "Thơ Phủ Lý" có đủ các thể đường luật, tứ tuyệt, 4 chữ, 5 chữ, 7 chữ, thơ tự do, thơ lục bát, song thất lục bát, thơ ca trù, lấy Kiều.

Tôi xin giới thiệu 13 bài tiêu biểu cho 9 thể thơ:

1. Thể thơ Đường luật (Thất ngôn bát cú): tất cả 10 bài, xin giới thiệu 1 bài tiêu biểu:

Bài "Chiều Hà Nam" của nhà thơ Lương Hiền (trang 43).

Cấu trúc bài thơ về ý, cảnh, tình, các vấn đề niêm luật, đối đều rất chuẩn. Bài thơ có độ hàm súc cao và mang đặc tính ý tại ngôn ngoại.

Xin trích 4 câu giữa:

Du dương bên nước lời ân ái

Êm ả ven sông tiếng sáo diều

Phố xá lên đèn hoa lấp lánh

Tàu thuyền sáng điện bóng phiêu diêu.

Bốn câu thơ trên không nhắc đến con người nhưng con người vẫn hiện lên rất rõ: người trong phố xá lên đèn, người trong tàu thuyền sáng điện. Đặc biệt câu thơ "Phố xá lên đèn hoa lấp lánh" còn cho ta thấy cả cuộc sống hạnh phúc của con người trong phố xá Hà Nam. Chữ hoa rất đặc địa không thể nào thay vào bằng chữ khác. Hoa có thể là do các màu đèn khác nhau tạo ra màu của hoa, có thể là hoa thật do người trồng ở sân ở hè, có thể là hoa trong các bức tranh và hoa còn là biểu tượng của hạnh phúc. Câu thơ trở thành đa nghĩa. Một câu thơ này đã sử dụng được cả 2 phương thức nghệ thuật: tạo hình và biểu hiện.

2. Thể thơ tứ tuyệt: Xin nói ngay rằng thơ tứ tuyệt có 4 câu nhưng không phải bài thơ 4 câu nào cũng là tứ tuyệt. Các bài thơ 4 câu làm theo lối thơ 7 chữ nhưng không tuân theo niêm luật thì vẫn thuộc thể thơ 7 chữ. Các bài 4 câu lục bát vẫn là thơ lục bát.

Toàn tập thơ Phủ Lý có 6 bài tứ tuyệt.

Xin giới thiệu 1 bài tiêu biểu: Bài "Ngày ấy" của Nguyễn Thị Vân Nga - phường Hai Bà Trưng (trang 89).

Bài thơ như sau:

Ngày ấy anh đi lúa bén dòng

Trời chiều gió đổi đã sang đông

Bao năm cũng vẫn vòng quay ấy

Em vẫn chờ anh chẳng đổi lòng

Cách cấu trúc bài thơ 4 câu 3 vần, niêm luật chính xác, 4 câu 4 chức năng theo kiểu khai, thừa, chuyển, hợp.

Bài thơ đã nói đến mối tình chung thủy của người phụ nữ ở hậu phương có chồng đi chiến đấu xa.

Hai câu đầu giản dị hồn nhiên như một bài ca dao.

Câu thứ ba vụt sáng tâm trí tuệ. Những thay đổi của thời tiết, từ thu sang đông, từ sáng đến chiều, gió đổi từ hướng này sang hướng khác, tất cả những biến đổi ấy đều nằm trong cái vòng quay bất biến của vũ

trụ. Đó là một quan niệm rất biện chứng cũng như tình yêu có lúc sum vầy có lúc xa nhau nhưng tình em không thay đổi. Lòng em cũng bất biến như những quy luật của vũ trụ. Bài thơ đã nâng tầm vóc người phụ nữ lên cao bằng một cảm thức vũ trụ.

3. Thể thơ 5 chữ: Toàn tập có 8 bài thơ 5 chữ (Thơ Việt không theo luật thơ Đường). Xin giới thiệu 1 bài thơ tiêu biểu:

Bài "Ngày đàn voi ra trận" của Minh Khai xã Thanh Châu.

*Gió thu nhẹ nhẽ thổi
Lá nguy trang bay bay
Xe dây pháo ta đó
Ôi rạo rục đêm nay
Lần đầu voi ra trận
Hai hai tháng mười hai
Cây đuống đưa cành lá
Suối reo mừng chia tay
Cờ hiệu trên đã phát
Xe đi chiến dịch đây*

*Ấm ì pháo lãn bánh
Đồi núi trập trùng mây
Bao người đang thao thức
Quyết thắng thu đông này.*

(Trang 21)

Thơ 5 chữ hợp với thơ tự sự và đòi hỏi cô đọng. Bài thơ có 14 câu 70 chữ mà vẽ lên cả một bức tranh hoành tráng có pháo xuất trận, có cây cỏ, suối rừng đưa tiễn reo mừng, có các chiến sĩ rạo rục lên đường và bao người đang thao thức đón chờ tin thắng trận.

Bài thơ về chiến đấu nhưng không có tiếng súng ùng oàng, không có khói đạn mù trời, nó như một bản nhạc trầm hùng giống như phong thái đàn voi chiến của quân Tây Sơn xưa.

4. Thể thơ 7 chữ: Toàn tập có 31 bài.

Xin giới thiệu 1 bài tiêu biểu: Bài "Ông và cháu" (trang 25) của Lại Khắc Dụng xã Phù Vân. Bài này có 16 câu thơ chia làm 4 đoạn. Có 12 chỗ phải gieo vần (mỗi đoạn 3 vần), tác giả đều gieo vần chuẩn là vần ơ, chỉ có một chỗ dùng vần ô. Rất ít bài thơ giữ được như vậy. Thường là 12 chỗ gieo vần thì phải 3, 4 chỗ dùng vần thông. Bài thơ còn xây dựng được một sự

hoà âm thuận từ đầu chí cuối nghĩa là nó hài hoà với sự xen kẽ của các thanh bằng và thanh trắc. Theo luật hoà âm thuận các chữ thứ 2, thứ 4 và thứ 6 của câu thơ 7 chữ phải có thứ tự bằng trắc bằng hoặc trắc bằng trắc. Cả bài này có 48 chữ phải tuân theo luật hoà âm thuận thì đã có 46 chữ đúng chỉ có 2 chữ sai, đạt tới 96% đúng.

Như vậy về hình thức đây là một bài thơ 7 chữ mẫu mực (đây là loại thơ thất ngôn của Việt Nam không theo luật thơ Đường).

· **5. Thể thơ tự do:** Toàn tập có 8 bài. ·

Xin giới thiệu 1 bài tiêu biểu: Bài "*Huyền thoại sông Châu*" của Nguyễn Thanh Bình phường Lương Khánh Thiện (trang 31).

Chúng ta đều đã biết thơ tự do không lệ thuộc vần, có thể có vần với sự gieo vần rất linh hoạt không nhất thiết phải gieo vần vào chữ thứ mấy, có thể không có vần, cũng không lệ thuộc bằng trắc, không lệ thuộc số câu, câu dài ngắn linh hoạt. Do đó ý thơ được tự do bay bổng, lời thơ gần hơn với văn xuôi nhưng vẫn chứa đựng ý thơ, chất thơ.

Xin trích 8 câu/28 câu của bài "*Huyền thoại sông Châu*"

- 4 câu đầu:

"Anh nắm tay em đi bên dòng sông
Chiều rạo rực nắng vàng chao cánh bướm
Nước sóng sánh làm con thuyền say sóng
Với bờ dài cùng sánh vai nhau"

- 4 câu gần cuối:

"Đi bên nhau anh ngắm em cười
Dòng sông đẹp sinh ra người cũng đẹp
Nghề dâu tầm với dòng sông bất diệt
Thả tơ vàng quán quýt những lúa đôi"

Ta thấy rõ 4 câu đầu không có vần nhưng vẫn giàu chất thơ và có nhạc tính. Nội dung trữ tình hiện ra 4 cặp tình cảm: Anh và em, nắng và bướm, nước với thuyền, thuyền với bờ. Bốn câu gần cuối cũng có 4 đôi: Anh và em, sông và người, bờ sông và nương dâu, dâu xanh với tơ vàng.

Thông qua hình tượng của dòng sông bài thơ đã thể hiện những nét trữ tình thi vị của tình yêu và quê hương, ý thơ bay bổng, phóng khoáng, phát huy được thế mạnh của thơ tự do.

6. Thể thơ lục bát: Toàn tập có 70 bài lục bát và 1 bài song thất lục bát.

Xin giới thiệu 5 bài tiêu biểu:

✽ **Bài "Mối tình chân quê"**: của Bùi Thành - phường Quang Trung (trang 46).

Trích 4 câu cuối:

Vẫn gà gáy thức cuối đêm

Vẫn mùa hoa trái đan xen trĩu cành

Một mai hoà với thị thành

Trong ta vẫn đậm mối tình chân quê

Đây là một nỗi thao thức bức xúc của thời đại. Biết bao nhiêu làng xóm chuyển thành phố phường và đó là tất yếu lịch sử trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Tình cảm của tác giả đại diện cho hàng triệu nông dân sẵn sàng hoà nhập với thành thị, nhưng muốn giữ lại một mối tình chân quê, một của báu đã hình thành trong trường kỳ lịch sử, một tinh hoa văn hoá của Việt Nam. Đó là một ý tưởng đẹp làm cho bài thơ mang một ý nghĩa nhân văn.

✽ **Bài "Đẹp nhất tên em"** của Trần Thìn Phường Minh Khai (trang 62).

Bài thơ 14 câu tác giả đã để 10 câu luận bàn về hoa sau đó là 4 câu kết:

Ngàn xưa cho đến bây giờ

Hoa là hạnh phúc ước mơ của người

Cảm ơn nhạch phụ của tôi

Chọn hoa đẹp nhất trên đời tên em.

Như vậy bài thơ đã kết thúc bất ngờ từ hoa sang tình yêu và thế là nhất em rồi nhì mới đến hoa và thứ ba chắc mới đến trời. Bài thơ có một kết thúc hóm hỉnh cũng là một hương vị của chất thơ.

✽ **Bài thơ "Bàn tay mở đường"** của nhà thơ Phạm Lê - phường Lương Khánh Thiện (trang 20).

Đây là một bài thơ tiêu biểu cho thơ lục bát trữ tình. Tác giả kể chuyện đưa xe ra chiến trường gặp người em gái quê hương đang sửa đường cho xe chạy. Thế là xe đi giữa một khoảng trời hương bay với hai câu kết:

"Thơm từ hoa nở ngàn cây

Hay là thơm tự bàn tay mở đường"

Hai câu kết trên đã cho người đọc thấy được hương thơm lý tưởng từ những con người đang chiến đấu cho đất nước.

✽ **Bài "Một vùng hoa thắm"** của Đinh Cẩm - phường Quang Trung (trang 138).

Trong cái thú chơi thơ tao nhã của người xưa đã

có bình thơ, ngâm thơ, đố thơ, thả thơ tác giả Đinh Cẩm đã góp vào một thú chơi mới tạm gọi là "Điểm thơ". Với 20 câu lục bát, bài thơ đã điểm được 19 tác phẩm thơ của Hà Nam vài năm gần đây. Điều đặc biệt là bài thơ vẫn miêu tả một vùng trời đất có nắng gió, có cỏ cây hoa lá, chim muông, có chấm phá đôi nét lịch sử, thể hiện một tình yêu thơ tha thiết và một tài năng đang độ chín.

* **Bài "Yêu xuân"** của Thanh Trúc xã Thanh Châu (trang 122).

Xin trích 4 câu :

"Yêu xuân yêu cả đất trời
 Muốn ôm hôn trọn một thời xuân xanh
 Yêu xuân, mơ lá vin cành
 Ngát ngây ta bỗng hoá thành lúa đôi".

Đây là một ý thơ lãng mạn và yêu đời. Nhà thơ Huy Cận từng nói: "Trong cách mạng có lãng mạn. Lãng mạn là đất tốt để gieo mầm cách mạng". Thanh Trúc đã nhân hoá mùa xuân để rồi kết lúa đôi với nàng xuân. Đã có nhiều nhà thơ nói chuyện với xuân, nhưng cưới mùa xuân thì chưa thấy ai kể cả bác Tấn Đà vốn tự nhận đa tình. Ngay Xuân Diệu cũng

chỉ dám cắn nàng xuân một cái chù chưa cưới. Nay Thanh Trúc cưới nàng xuân là đã đạt một kỷ lục mới về tình yêu xuân.

7. Thế thơ ca trù: Trong tập có một bài thơ ca trù.

* **Bài "Như duyên mới"** của bác Nguyễn Văn Tường-phường Minh Khai (trang 69).

Xin trích 4 câu:

"Chiến tranh hai cuộc đã qua
 Đã trải phong ba đã từng no đói
 Ngắm mình thấy má hồng phơi phơi
 Còn ta phong độ xem chừng đang trai".

Tác giả đã dùng nghệ thuật cách điệu hoá làm cho các bậc cổ lai hy mà vẫn đang trai mà vẫn má hồng. Đó cũng là một cách vận dụng trí tưởng tượng để lý tưởng hoá cuộc sống, một phương pháp nghệ thuật của thơ.

8. Thơ lấy Kiều: Trong tập thơ có 1 bài thơ lấy Kiều:

* **Bài "Xin có đôi lời:** của Phạm Phúc Sơn xã Phù Vân" (trang 97).

Xin trích 4 câu:

"Khi gió mát khi trăng ngân
 Lại nhớ đến lúc phong trần ngày xưa

Khi hương sớm lúc trà trưa

Càng thương cuộc sống nắng mưa thuở nào".

Tác giả đã dùng một hình thức thơ quen thuộc của nhân dân ta để nhắc nhau uống nước nhớ nguồn.

9. Thơ 4 chữ: Trong tập thơ có 1 bài thơ 4 chữ của cháu Phạm Thị Hồng Minh.

* **Bài: "Chú đế nhỏ"** mang nhiều chất hồn nhiên của tuổi thơ (trang 147).

Xin trích 4 câu:

Có chú đế nhỏ

Đi chơi một mình

Chú ngồi dưới nắng

Tâm hồn lung linh.

III. BỐN BÀI THƠ TIÊU BIỂU CHO 4 LOẠI THƠ:

1. Bài "Tôn sư trọng đạo" của Vũ Phô-phường Quang Trung là một bài thơ mang vẻ đẹp trí tuệ (trang 104).

Tôn sư trọng đạo lẽ xưa nay

Quả ngọt ơn người vun xới cây

Thành tướng thành danh nên sự nghiệp

Nghìn năm tạc dạ nhớ công thầy.

Thơ nói về công ơn thầy thì có nhiều. Song ở đây tác giả đã khẳng định một cách triệt để. Dù ai đó thành

vị tướng, nhà lãnh đạo, thi sĩ, danh nhân vẫn do công diu dặt ban đầu của ông thầy nên không những phải nhớ mà phải tạc vào dạ. Bài thơ có tác dụng hướng dẫn dư luận nên đã mang một vẻ đẹp trí tuệ. Xã hội ta đã chú ý nhưng chưa đúng mức vấn đề này, khi nói đến danh nhân còn ít nói đến ông thầy. Ví dụ vừa qua khi nhà giáo Nguyễn Lân qua đời, người ta nói nhiều đến các con ông, các học trò của ông. Không bài báo nào nói đến người thầy của giáo sư là ai. Trên thế giới cũng vậy ít ai biết bà Jn-đi-ra-găng-đi một vĩ nhân của Ấn Độ chính là học trò của nhà thơ Ta-go.

2. Bài "Tín hiệu mùa xuân" của Nguyễn Văn Phụ - phường Trần Hưng Đạo (trang 87).

Đã thấy đường thôn rộng bước chân

Vườn ai đào chum nụ phân vân

Chao nghiêng cánh én xa vời vợi

Tít tắp tầng cao một chấm xuân.

Đây là một bài thơ mang vẻ đẹp trữ tình, không phải cái trữ tình nồng thắm cháy bỏng của tuổi trẻ mà là một thứ trữ tình kín đáo và tinh tế. Trên đường thôn không phải là cảnh cười nói râm ran tấp nập mà chỉ là rộng bước chân. Vườn xuân không phải trăm hoa đua

nở mà là đào mới chớm, nụ phân vân. Đàn én cũng ẩn hiện, xa vời vợi. Nhưng tác giả đã nhạy cảm thấy được đó là những tín hiệu của mùa xuân sẽ đưa về cái ấm áp của vạn vật và tình người. Cái nhạy cảm trữ tình ở đây có thể ví với hai câu thơ chữ Hán mà ta từng quen biết:

*Ngô đồng nhất diệp lạc
Thiên hạ cộng tri thu.*

3. Bài: "**Hương đời**" của Lê Viên - phường Minh Khai (trang 91).

Hai bài thơ trên, một bài mang vẻ đẹp trí tuệ, một bài mang vẻ đẹp trữ tình.

Bài thơ Hương đời của Lê Viên thì cái trữ tình lại hiện ra sau nhận thức lý trí.

Xin trích 4 câu:

*Nhìn đàn con cháu quây quần
Chưa đi xa được vẫn gần trời cao
Ở, đi có xá chi nào*

Nhẹ như chiếc lá rơi vào vườn xuân.

Vẻ đẹp của bài thơ hội tụ ở 2 câu cuối, tác giả đã hiểu rõ quy luật của cuộc sống, con người cũng như chiếc lá, phải có ngày lá rụng. Đó là vấn đề nhận thức

về lý trí. Song chiếc lá rơi vào đâu, nó không rơi xuống cội như thực tế trong đời mà lại rơi vào vườn xuân trong tâm thức thơ của tác giả.

Đến đây cái trữ tình mới hiện ra, chiếc lá rơi sẽ tái sinh thành mầm non mới, cái kết thúc lại trở thành cái bắt đầu. Giống như câu thơ Ta go:

*Ta không còn nữa cây ơi
Thì xin lá mới xuân đời thay ta.*

Ở bài Hương đời cái trữ tình hiện ra sau cái lý trí.

4. Còn ở bài "**Sông đêm**" của Nguyễn Thắng Nhiếp - phường Hai Bà Trưng (trang 83) thì cái lý trí, cái vẻ đẹp trí tuệ lại hiện ra sau cái trữ tình.

Bài thơ chỉ có 4 câu:

*Qua sông đêm ấy gọi dò
Nhớ người thiếu nữ đã cho sang cùng
Ngọt ngào giọng nói trẻ trung
Tiếng cười ấm cả một vùng canh khuya.*

Trừ câu đầu có tính chất khai mở, 3 câu sau đều rõ nét trữ tình, bài thơ không nói gì đến các vấn đề lý trí, trí tuệ. Vậy mà đằng sau câu thơ lại hiện ra một nghệ thuật sống. Ai cũng từng ca ngợi lòng yêu đời, yêu cuộc sống. Phải chăng bí quyết của nó là biết tìm thấy

cái vui, cái đẹp trong quan hệ hàng ngày của tình người. Vì "cái đẹp chính là cuộc sống". Người thiếu nữ trong bài thơ chẳng những giúp người qua sông mà còn tặng khách một nụ cười và nụ cười ấy chẳng những ấm một vùng không gian mà cả vào thời gian canh khuya. Cả hai nhân vật trong bài thơ đều là người biết sáng tạo ra hạnh phúc từ những sự việc bình thường.

Tôi đã giới thiệu 29 bài thơ tiêu biểu trong tập "**Thơ Phú Lý**" 137 bài.

Trong toàn tập thơ còn nhiều bài hay nữa nhưng thời gian có hạn xin tạm dừng ở đây. Và nếu cần giới thiệu tập thơ này bằng một câu thôi thì xin nói rằng: "*Tập thơ này là tiếng hát của trái tim những người cao tuổi thị xã Phú Lý, những người yêu đời và yêu thơ*".

Xuân Nùng

MỘT MÙA THU QUÝ NHƯ VÀNG

ĐỌC TẬP THƠ "THU VÀNG BÊN SÔNG CHÂU" CỦA TRẦN NHƯ THỨC

Nhà xuất bản Văn học năm 2002

Nhà thơ nào cũng yêu thương đất nước, quê hương con người, những nét đẹp về văn hoá, tình yêu, tình người và thiên nhiên. Tuy nhiên tần số rung động của mỗi trái tim thơ lại có những đặc thù. Mỗi nhà thơ lại có một toạ độ yêu thương mãnh liệt nhất. Trong tập "Thu vàng bên Sông Châu" hai mảng thơ thành công nhất là những bài viết về phụ nữ Việt Nam và về lĩnh vực văn hoá giáo dục.

Dưới ngòi bút của Trần Như Thức, hình ảnh người phụ nữ Việt Nam đã thành biểu tượng của cái đẹp cả về tài sắc và tâm hồn. Đỉnh điểm của những nét đẹp phụ nữ là dành cho những bà mẹ:

"Mẹ lo toan suốt cuộc đời

Tảo tần khuya sớm không ngơi việc đồng

Vai gầy, trĩu gánh, vẹo hông

Bàn chân toẽ ngón bờ sông mưa rào"

(Bài "Mẹ" trang 28)

Tác giả còn dựng lên một tượng đài Bà mẹ:

"Mẹ hiện thân một vùng châu thổ
Lặn lội tảo tần trồng lúa nuôi con
Ngấn lớp phù sa đọng thời gian khổ
Làn điệu dân ca sâu lắng tâm hồn"

(Bài "Mẹ Sông Hồng" trang 32)

Những người vợ cũng hiện ra trung hậu và thắm thiết:

"Tôi đi gìn giữ nước non
Mang bông hoa thắm lòng son vợ hiền

(Bài "Vợ tôi" trang 33- 34)

Người phụ nữ đi chiến đấu xuất hiện lồng lộng trên
đỉnh Trường Sơn:

"Tuổi xuân trên đỉnh Trường Sơn
Em mười tám tuổi tóc vờn gió mây
Gùi hàng bông rát vai gầy
Gió Lào thổi héo tóc mây nắng hè"

(Bài "Trên đỉnh Trường Sơn" trang 18)

Các cô thợ thêu, thợ gổm cũng thật đáng yêu:

"Em thổi hồn vào đất
Cho cuộc đời lung linh"

(Bài "Cô thợ gổm" trang 41)

Và: "Hoa sen tinh khiết trên đời.

Em thêu say đắm tặng người yêu thương
(Bài "Tâm tình cô thợ thêu" trang 42)

Nếu mảng thơ về phụ nữ tràn đầy cảm xúc, cái cốt
lõi của thơ thì phần thơ viết về văn hoá giáo dục lại có
chiều sâu trí tuệ giúp cho thơ cất cánh. Hình ảnh
người thầy và hình ảnh nhà thơ được ví như cây trúc

"Cho dù gió táp mưa sa

Trúc quân tử vẫn hát ca nghĩa tình"

(Bài "Cây trúc thầy trồng" trang 50)

Người mẹ ru con mà lại tưởng như con đang ru
mình, một nhận xét bất ngờ mà chí lí mang tính triết
lý, chỉ cất tiếng ru con là lòng mẹ nhẹ bổng, bao
nhiều nhọc nhằn phiền muộn tan biến hết:

"Ru con mà tưởng con ru

Tiếng lòng mẹ cũng vi vu sáo diều"

(Bài "Tiếng ru" trang 75)

Thơ về quê hương trong tập thơ này tuy không
thành công bằng 2 mảng thơ trên song cũng có
những hình ảnh tươi sáng quê hương no ấm, thanh
bình hiện lên trong bài "Chợ Phủ" cô gái đi bán tếp
cũng mặc áo hồng:

"Gạo ngon trắng xoá đầy ăm ắp
Bưởi vàng quýt đỏ chật ngô sau
Em vận áo hồng ngồi bán tếp..."

(Bài "Chợ Phủ" trang 11)

Thành công đột xuất trong phần thơ này là bức tranh quê đẹp nhất trong bài "Tháng ba" trang 84.

"Tháng ba sấm gọi mưa rào tới
Lúa phát cò xanh tận chân mây
Thanh minh giỗ tổ trời trong sáng
Nhà nhà thơm thoảng bánh trôi chay"

Hình ảnh và âm điệu của bài "Tháng Ba" gợi tôi nhớ đến bài "Tháng ba Tây Nguyên". Hai bài đều đẹp một bài về vùng núi, một bài về đồng bằng. Không hiểu sao các nhạc sỹ của Hà Nam chưa ai phổ nhạc bài thơ này. Có thêm vai trò của nhạc sỹ bài này sẽ hay như bài "Tháng ba Tây Nguyên"

Về nghệ thuật ngôn từ tác giả có nhiều câu thơ mang nét tạo hình:

"Con ốc vặn mình nên đặc sản"

(Bài "Chợ Phủ" trang 12)

"Mồ hôi tôi vôi trên má"

(Bài "Phố thơ" trang 16)

"Bàn chân tõe ngón"

(Bài "Mẹ" trang 28)

Có những câu thơ tác giả đã sử dụng tốt yếu tố tương phản càng làm nổi bật chất tạo hình.

"Nụ cười đen nhánh, mái đầu bạc phơ"

(Bài "Mẹ" trang 29)

"Chè non lượn sóng viền quanh đôi già"

(Bài "Hoa đôi chè" trang 44)

"Tuổi hồng hát mãi khúc ca xanh"

(Bài "Khúc ca xanh" trang 61)

Trên đây tôi đã đề cập đến từng mặt chi tiết của tập thơ "Thu vàng bên Sông Châu" của Trần Như Thúc. Để đánh giá chung một tập thơ, chúng ta cần xem xét những tiêu chí tổng hợp nào. Về vấn đề này nên tham khảo ý kiến của nhà thơ Bạch Cư Dị.

Ông đã viết như sau: "Tình cảm là gốc của thơ, ngôn từ là lá của thơ, âm thanh là hoa của thơ, tư tưởng là quả của thơ".

Chúng ta sẽ đi vào từng mặt trên 4 tiêu chí đó.

Tình cảm của nhà thơ trong tập "Thu vàng bên Sông Châu" đã có cái gốc tương đối sâu, tác giả đã đắm mình trong cuộc sống vô cùng phong phú với tình yêu thương thấm thiết đối với con người.

Ngôn từ của tập thơ đã được tác giả chọn lọc không vấp phải tình trạng sáo mòn.

Âm thanh của đa số các bài thơ đều diu dặt, đọc suôn sẻ, gợi cảm.

Về tư tưởng, các bài đều có tứ thơ tốt, lành mạnh như một mùa quả ngọt lành.

Xét trên 4 mặt đó tập thơ đã đạt đến sự hài hoà.

Tuy vậy tập thơ cũng có một số nhược điểm, một số câu thơ còn dễ dãi, chưa thật hàm súc. Tác giả kể và tả phong phú, tạo hình tốt nhưng súc gợi chưa nhiều. Đọc xong cả tập thơ ta có ấn tượng là nó tròn trịa quá. Tròn trịa cũng là điều tốt song thường là đã tròn trịa thì không có những mũi đột biến, không gây được ấn tượng mạnh cho người đọc.

Toàn tập thơ gợi cho ta một mùa trái chín của Hà Nam, một mùa thu không phải là màu vàng mà là một mùa thu quý như vàng. Với thiên nhiên nếu mùa xuân là mùa hoa nở, mùa hè là mùa tích lũy năng lượng để làm quả thì mùa thu là mùa quả chín. Đối với mỗi con người thì mùa thu (lứa tuổi từ 50 đến 60) là tuổi trăng hoa. Còn với mảnh đất bên bờ Sông Châu thì mùa thu là mùa thành đạt, mùa chuyển biến về chất trong sản xuất và cuộc sống.

Chúc tác giả đang ở mùa thu vàng sẽ có nhiều thành công mới.

Tháng 1 năm 2005

Xuân Nùng

NGƯỜI TRAI QUÊ ĐÁNG YÊU **(ĐỌC TẬP THƠ "ĐI QUA MÙA THU" CỦA HOÀNG TRỌNG MUÔN)** **NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN 2004**

Tôi xin mượn một câu trong bài thơ văn xuôi "Sinh nhật mùa thu" của Hoàng Trọng Muôn và thay đổi vài cụm từ để nói về hồn cốt, thần thái của tập thơ "Đi qua mùa thu" như sau: "Hai mươi bảy tuổi đời, năm năm làm nhà giáo, mùa thu này anh vẫn gã trai quê"

Tình trai và hồn quê là hai nét nổi bật trong tập thơ "Đi qua mùa thu". Tâm hồn người trai quê đầy ấp những kỷ niệm đầm thắm thiết tha về tuổi học trò gắn liền với quê hương yêu dấu.

Đẹp sao đoạn thơ này: "Những ngày tháng học trò bây giờ đã xa rồi nhưng vẫn đẹp những nụ cười khúc khích, vẫn lung linh những cái nhìn tinh nghịch, áo học trò duyên dáng, lúm đồng xu" (Bài "Những ngày tháng học trò")

Tác giả không bao giờ quên cái ngày:

"Tuổi thơ tôi dấu trần chân đất

Lớn khôn lên theo lam lũ nhọc nhằn"

(Bài Trường làng trang 16)

Tình yêu quê hương còn nghèo và cha mẹ vất vả quanh năm trong thơ Hoàng Trọng Muôn thật da diết:

*"Mẹ gánh lúa về oằn lưng con đê
Bố phồng rộp tay cuốc lật từng hòn đất
Đứa em lang thang nhặt thóc vãi trên đồng
Khói rơm cay xè, nước mắt ướt miếng cơm"*

(Bài "Đi qua mùa thu" trang 33)

Khi thăm trường học cũ tác giả đã nhớ đến các thầy cô rất chân thành:

*"Vẳng nghe tiếng gió rung cây
Giật mình ngỡ tiếng của thầy đọc thơ
Đâu rồi bóng dáng của cô
Trên thêm bụi phấn rắc mờ dấu chân"*

(Bài "Trường xưa" trang 43)

Với những bạn nhỏ, Hoàng Trọng Muôn đã nhắc lại những kỷ niệm ngọt ngào:

*"Anh giả làm chồng, em ngoan hiền làm vợ
Đám cưới chúng mình thành cổ tích ấu thơ"*

(Bài "Mùa hoa lộc vừng" trang 65)

Điều đáng chú ý là trong tập thơ này, tác giả đã có một tâm nhìn mới, rộng hơn, đề cập đến tình thương những người bất hạnh. Trong bài "Em bé không nhà" (trang 49) tác giả đã viết:

*"Tuổi thơ nhọc nhằn lang thang tìm mẹ
Ai đang tay ra để đón em về"*

Trong bài "Dạ khúc" trang 42 tác giả đã ru em bé mồ côi:

*"Cho giấc mơ đến với điều đẹp đẽ
Ta gửi lời qua gió đến ru em"*

Hoàng Trọng Môn đang trong tuổi đẹp nhất của cuộc đời nên cũng không thiếu câu thơ màu hồng như:

*"Tuổi thơ êm đềm giữa miền quê bình lặng
Bước lên thêm bóng nắng trải đầy hoa"*

(Bài "Nỗi niềm tháng ba" - trang 54)

Và: *"Nắng xuân vừa kịp chín
Nhuộm hồng tươi bến quê
Em cười che nón trắng
Chao nghiêng câu hẹn thề"*

(Bài "Về Châu Giang" - trang 79)

Tuy nhiên cảm xúc chủ đạo của tập thơ vẫn là lòng thương cảm đối với quê hương và những con người đang còn vất vả nhọc nhằn. Trong bài "Nỗi niềm tháng năm" - trang 56 tác giả viết:

*"Con tìm lại mình trong cái nắng tháng năm
Bóng rọi bàn chân, bạc phếch đôi vai gầy của mẹ"*

Mái bếp hanh hao, nắng lấp đầy kẽ nẻ
Háo hức chờ phơi lúa mới ngoài sân"

Ở bài "Quê nội" trang 38:

"Mái bếp gây thao thức chờ gạo mới
Khói lam chiều chao chát vị ngô khoai"

Với lứa tuổi của Hoàng Trọng Môn, nếu ta đọc được của anh một tập thơ màu hồng phơi phơi, ta rất dễ hiểu và hoan nghênh. Song tập thơ "Đi qua mùa thu" lại không mang màu hồng mà đã đạt được màu suy tưởng khiến ta càng yêu mến tập thơ.

Tác giả đã dạy học 5 năm nhưng anh chưa muốn ra mặt là nhà giáo, thơ anh vẫn đắm trong những kỷ niệm của thời thơ ấu có tình quê hương, cha mẹ, thầy trò, bầu bạn, cả một chút tình yêu thuở mới lớn, một cách hồn nhiên với một lòng hoài nhớ sâu xa. Anh như muốn nâng niu những ngày đẹp ấy những trang sử quý báu của đời mình và tất cả những tình cảm ấy sẽ hội tụ, sẽ cộng hưởng tạo nên một tình yêu lớn với quê hương đất nước xuyên suốt cuộc đời anh.

Chúng ta cũng thấy có những người khi đã có chỗ đứng trong xã hội, mới vừa vừa thôi đã vội nhìn đời bằng con mắt ngạo mạn, quên ơn cha mẹ, coi thường

thầy cô cũ, quên hết kỷ niệm thời thơ ấu, về quê thấy cái gì cũng chê bai. Những người đó chắc sẽ không thể tiến xa trên con đường sự nghiệp.

Chắc chắn là tình quê và kỷ niệm tuổi nhỏ sẽ có ích nhiều cho Hoàng Trọng Môn trong đời thơ của anh.

Ngày xưa Tuệ Tĩnh tự nhận mình là "người trai khờ" và trở thành một đại danh y. Những người có tài mà khiêm tốn bao giờ cũng thành đạt.

Thành công đặc biệt của tập thơ "Đi qua mùa thu" là ba bài thơ văn xuôi đều vào loại hay. Ở Hà Nam ta còn ít người viết thể thơ này. Đây là một thể thơ khó viết cho hay vì nó vừa là thơ lại vừa là văn xuôi, là thơ thì phải bay bổng phải giàu cảm xúc, nhiều hình ảnh, ý tứ hàm súc, là văn xuôi thì phải mạch lạc khúc triết, sáng rõ.

Nếu ta đem so sánh (dù có khập khiễng) và ví bài thơ văn xuôi "Chơi giữa mùa trăng" của Hàn Mặc Tử như một trường ca tuyệt vời thì những bài thơ văn xuôi của Phạm Ngọc Cảnh, của Hồng Thanh Quang, Phạm Hồ Thu và cả bà bài thơ văn xuôi của Hoàng Trọng Môn là những bài tứ tuyệt xinh xinh.

Cả ba bài thơ văn xuôi của Hoàng Trọng Môn đều đẹp cả về tứ, về tình, về hình ảnh. Có lẽ đây sẽ là

một hướng để đi vào thơ hiện đại Việt Nam mà không đoạn tuyệt với truyền thống vì thơ văn xuôi hôm nay có những nét đồng dạng với thể phú của văn học cổ.

Tập thơ "Đi qua mùa thu" nhìn chung có ngôn từ chọn lọc, vần điệu hài hoà song có một số đoạn thơ tác giả như cố ý làm cho không có vần để thay đổi điệu thơ. Theo tôi không nên làm như vậy. Về vấn đề vần của thơ tôi tán thành ý của Tiến sỹ Phạm Ngọc: "Nếu có tứ thơ thật hay thì không cần đến vần, bài thơ vẫn hay. Nếu tứ thơ chỉ là khá hay trung bình mà bỏ vần thì sẽ thất bại một trăm phần trăm".

Tập thơ "Đi qua mùa thu" có thơ về đủ 4 mùa xuân, hạ, thu, đông. Tuổi đời của tác giả lại mới gần đến giữa xuân. Có lẽ Hoàng Trọng Muôn chỉ tựa vào mùa thu vì đó là mùa khai trường, mùa của tuổi học trò để hoài nhớ về quê hương và tuổi nhỏ và chính vì thế mà tâm hồn anh vẫn là tâm hồn của một "Người trai quê đáng yêu". Chúc anh sau 50 năm nữa thơ anh vẫn là thơ của một "Gã trai quê".

Tháng 12- 2004

Xuân Nùng

MỘT TRÁI TIM CÓ VẠN HẠT TÌNH **(ĐỌC TẬP THƠ "MỘT VẠN XUÂN" CỦA BÁC NGUYỄN VĂN ĐỘ)**

Lưu hành nội bộ Người cao tuổi

Tập thơ "Một vạn xuân" của bác Nguyễn Văn Độ được chia làm ba phần song theo tôi chỉ gồm hai khối tâm tình: Thứ nhất là tình cảm gia đình bao gồm vợ chồng, mẹ con, ông cháu và thứ hai là tình bạn, tình thơ tình đời.

Trong khối tâm tình thứ nhất, sợi chỉ hồng xuyên suốt chính là tình vợ chồng từ buổi bình minh của hôn nhân, trải qua bao nhiêu giông bão đã cập bến hạnh phúc tuyệt vời.

Những vần thơ sắc màu tươi thắm đã như những sợi tơ dệt nên tấm lụa tình yêu rất đáng ngợi ca. Tôi xin nhặt ra vài sợi tơ lòng ấy. Mở đầu, ở bài thơ thứ nhất, câu thơ thứ ba của đoạn 1 đã vang lên như một lời thề: "Tình của đời ta tình trọn kiếp". Thế rồi trải qua bao nhiêu mồ hôi nước mắt, "Khối vàng tình yêu"⁽¹⁾ ấy đã: "Thuyền ta cập bến, duyên ta càng

⁽¹⁾ Tên một bài thơ của Phạm Quyết.

nông" (Bài "Tháng 6 mười hai"). Bài thơ "Tạm ở một mình" tuy kết thúc bằng câu "Mình ơi tạm ở một mình" nhưng đằng sau những câu thơ ta lại đọc được cái ý:

"Mình ơi! mình vẫn hai mình"

Đến bài "Thêm vẫn thêm điệu" ta lại đọc được câu:

"Mái tóc phơ phơ đầu vẫn biếc"

Gương soi một bóng lẩn đôi hình"

Câu thơ này làm ta nhớ đến câu Kiều : "Giải là hương lộn bình gương bóng lờng". Câu thơ của Nguyễn Du tả lúc Thuý Kiều, Kim Trọng đang ở tuổi thanh xuân, vả lại tình yêu nào chẳng đẹp khi còn mới. Còn ở đây là mối tình già mà vẫn "Một bóng đôi hình" mới thật đáng nói.

Trong bài "Vô đề", sau nửa thế kỷ dài chung sống, tác giả như sực nhớ ra một điều: "Thì ra duyên thắm về chiều". Đến bài "Ước gì" lại có một sợi tơ tình hóm hỉnh. Tác giả muốn phân thân thành 5, thành 7 để đến với từng cháu nhưng vẫn không quên dành một ông cho bà: "Mỗi cháu một ông, bà cũng một". Đọc đến đây tôi bỗng mỉm cười thú vị vì cụm từ "Bà cũng một" chính là cái thần của bài thơ này.

Năm sợi tơ tình mà tôi vừa điểm qua đã cho ta thấy một tình yêu bền vững và trong sáng. Người ta thường nói tình yêu là tình trăm năm. Tình yêu đẹp đến nỗi các nàng tiên ở trên trời phải hoá thân giáng trần làm người để đi tìm hạnh phúc như truyện Từ Thức, truyện Tú Uyên. Nàng tiên cá của Andécxen cũng thà chịu mỗi bước đi buốt nhói toàn thân để được sống với người yêu còn hơn là làm tiên ở trên trời hay dưới biển. Vậy mà cũng có biết bao đôi tình yêu đã nửa chừng đứt gánh hoặc lúc đầu thì đẹp như thơ như mộng, như hoa, như trăng rồi đến lúc xế chiều chỉ sống để làm khổ nhau, biến hôn nhân thành địa ngục ở trần gian. Hạnh phúc là có thật, nhưng không phải ai cũng với tới, và bí quyết là ở chỗ hai trái tim đã đập cùng một nhịp.

Trong khối tâm tình thứ nhất, tuy chủ yếu nói về tình vợ chồng nhưng cũng có một bài thơ đặc sắc về tình ông cháu. Có thể nói đây là một trường ca về tình ông cháu, một bản tráng ca thực sự.

Bao nhiêu sao sáng hoa thơm, quả ngọt đều không bằng đôi mắt, đôi má, đôi môi của "Cháu tôi". Bao nhiêu nghệ sỹ hài tài ba đều thua chất hài

của cháu. Bao nhiêu họa sỹ, nhạc sỹ, văn sỹ, thi sỹ đều không lột tả nổi vẻ đẹp của cháu. Cháu tôi còn là bài thuốc vạn năng để chữa khỏi mọi bệnh đau buồn của mọi người.

Ta có thể rút gọn mối tình của người ông đối với cháu trong bài thơ là "Nhất cháu, nhì trời".

Thông thường tình cha mẹ với con người ta mới ví như núi Thái Sơn, nước trong nguồn vì đó là sức mạnh tổng hợp cả lý trí và bản năng cả nghĩa vụ và tình cảm. Còn tình ông bà với cháu, giống như cơn gió mùa hè, ánh nắng mùa đông không thể đả say quá mức như thần tượng. Còn ở bài thơ này tình ông cháu không hề thua kém tình cha con, mẹ con. Người ông đã coi đứa cháu như lẽ sống của đời mình. Trong ngành y tế có danh từ: "Cái ngưỡng" là cái giới hạn không được vượt quá của việc dùng thuốc. Trong vật lý cũng có cụm từ "Nhiệt độ tới hạn". Tình ông cháu trong bài thơ "Cháu tôi" thật đáng kính phục song cái vĩ đại trong tình ông cháu này liệu có dẫn đến quá nuông chiều để làm hư cháu hay không. Riêng về điểm này, e rằng Lão Tử nói đúng. Ông nói: "Cái gì phát triển đến cực điểm sẽ biến thành cái tương

phản". Tôi không dám lạm bàn việc đời với bậc cao niên hơn mình, ở đây chỉ xin đóng khung trong bài thơ mà thôi.

Khối tâm tình thứ hai của tập thơ là "Tình thơ, tình bạn, tình người". Trong chùm thơ 8 bài về tình thơ, tình bạn, tình đời tôi chú ý một điều là có 5 bài tác giả nói đến từ "nợ", "nợ thơ", "nợ tình" phải trả cho đời, không vay mà phải trả. Trong lịch sử loài người đã có nhiều quan điểm khác nhau về cuộc đời: đời là bể khổ, đời là một cuộc luân hồi quả báo, đời là giấc mộng Nam kha. Nhân vật Narêđin trong "Nghìn lẻ một đêm" lại trăng trối với con: "Con ơi! con phải coi cuộc đời như một chủ nợ mà con phải trả bằng lòng độ lượng và sự khoan dung". Còn tác giả "Một vắn xuân" lại luôn xác định dù mình không vay nhưng phải trả nợ cuộc đời bằng thơ, bằng tình bạn, tình người. Do đó tác giả đã nuôi trong tim vạn hạt tình để trang trải đến muôn nơi với mọi người. Tôi nghĩ đây là một cách sống rất đẹp, nếu ai trong xã hội cũng luôn nghĩ mình phải trả nợ tình cho bạn, cho đời thì cuộc đời sẽ đẹp lên biết bao. Mọi ghen ghét, thù hằn, oán hờn, đố kỵ sẽ không còn chỗ để ẩn náu, và chỉ những tâm hồn

được giải phóng mới có thể sản sinh ra những tác phẩm tuyệt vời, những bài thơ bất hủ.

Nếu thơ trước hết là tình cảm thì tập thơ "Một vắn xuân" đã nồng thắm trong tình yêu, thiêng liêng trong tình cốt nhục, ấm áp trong tình bạn, chân thật trong tình người. Hồn thơ của tác giả đã kết tinh lại trong bài "Vạn hạt tình".

*"Tôi chọn hạt tình đời,
Rắc rộng bốn phương trời,
Vui lòng đeo món nợ
Không vay mà phải trả"*

Những vạn hạt tình mà tác giả đã cất giấu trong tim mang chung mầm thiện mỹ, gieo vào vườn yêu đương thì tạo thành những đôi lứa uyên ương, gieo vào anh em, bè bạn thì tình đời toả sáng gieo vào bạn tâm giao thì thành đôi tri kỷ, gieo vào mảnh đất tình thương để người khốn khó vơi dần nỗi khổ, gieo khắp bốn phương trời như để trả một món nợ cho đời, không vay mà vẫn trả, và khi đã gieo vãi khắp nơi trong trái tim vẫn nguyên lành những hạt "yêu".

Bài thơ đã thắm đậm một chủ nghĩa nhân văn ngời sáng. Lịch sử tư tưởng của Việt Nam ta từng có nhiều

sắc thái chủ nghĩa nhân văn khác nhau và đều đẹp như những viên ngọc. Chúng ta có chủ nghĩa nhân văn của Trần Hưng Đạo: "Lấy dân làm gốc", có chủ nghĩa nhân văn Nguyễn Trãi: "Lấy đại nghĩa thắng hung tàn, lấy chí nhân thay cường bạo", có chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh: "Nâng niu tất cả, chỉ quên mình". Dù là người bình thường, ai đã làm thơ đều có chủ nghĩa nhân văn của riêng mình. Bài thơ "Vạn hạt tình" chính là chủ nghĩa nhân văn của bác Nguyễn Văn Độ. Tôi coi bài thơ này như một tuyên ngôn của hồn thơ tác giả. Đó cũng là nét đẹp nổi bật của tập thơ.

Về mặt nghệ thuật, hầu hết các bài thơ đều có tứ thơ rõ rệt và những hình ảnh sinh động từ "Bát cơm chan nước mắt" đến "Vườn xuân chúm chím", từ "Bốn mắt nheo nheo má chọt hồng" đến "Điều ai đang lượn cuối trời".

Nhược điểm chính của tập thơ là ngôn từ chưa được chọn lọc thật kỹ. Có vẻ như tác giả thiên về tính hiện thực muốn giữ lại cái vẻ xù xì nguyên sơ của những xúc động từ trong quá khứ, chưa chú tâm nhiều đến trau chuốt nghệ thuật nên một số bài thơ chưa đạt đến hài hoà, dùng cả những từ đã cũ lâu như "dâu bể". Lời thơ.

giọng thơ giữ được sắc màu dân tộc, ý nhị của thơ truyền thống Việt Nam, nhưng chưa tạo được dáng vẻ hiện đại của thơ thế kỷ mới. Có lẽ đó là sự an bài của tạo hoá, ta không thể đòi hỏi một ông già đã ngoài tám mươi lại sôi nổi và hiện đại như một chàng trai hai mươi mới bước vào đời.

Nhưng dù sao ta vẫn phải công nhận tác giả Nguyễn Văn Độ đã vượt qua tuổi tác của mình để có câu thơ:

"Xuân tàn ai tiếc ta không tiếc

Hồn ta lỏng lộng một trời xuân"

(Bài "Một vãn xuân")

Ngày 20 -12 -2002

Xuân Nùng

MỘT CUỘC TÌM TRẦM

TRONG CÔI THƠ

Lời giới thiệu tập thơ "Tìm Trầm"

Nhà xuất bản Lao động 2004

Tổ quốc và tình yêu là hai mạch thơ chủ yếu trong tập thơ "Tìm trầm" của Phạm Quyết. Tình yêu Tổ quốc thường bắt đầu từ những tình cảm gần gũi thân thương nhất như Chế Lan Viên từng viết:

"Ôi Tổ quốc ta yêu như máu thịt

Như mẹ, như cha, như vợ, như chồng"

Tư duy của Phạm Quyết khi viết về Tổ quốc cũng nằm trong quỹ đạo đó. Tình cảm của tác giả bắt đầu từ người mẹ:

"Quên sao nón chóp cầm tay

Cùng đôi góoc mọc như ngày năm xưa"

(Trong bài *Ảnh U*) đến làng quê thân thương của mình và trầm miền đất nước:

"Đất nước quê mình to lớn quá

Nơi nào cũng đẹp cũng yêu thương"...

... "Thấy hoa Ban trắng miền Tây Bắc
Lại nhớ sông quê vạt cải vàng"

(Bài "Nhớ làng")

Tình yêu Tổ quốc đã đưa thơ của tác giả tìm về những Như Nguyệt, Bạch Đằng, Điện Biên, Côn Cỏ anh hùng, đến những miền đất nước mà tác giả đã đi qua trong cuộc đời chiến đấu của mình. Đây là Hà Tây với:

"Một vùng quê đẹp như tranh
Một trời tơ lụa in hình muôn hoa"

Và đây là Huế thân thương:

"Chợ Đông Ba nghe ngọt tiếng dạ hiền
Du khách ra đi suốt đời thương nhớ"

(Bài "Một lần đến Huế")

Tình yêu Tổ quốc cũng đưa tác giả hồi tưởng đến những danh nhân xưa từ Trần Hưng Đạo, Bà Triệu, Bác Hồ, Bác Tôn đến cả những người bình thường mà vĩ đại như chị thanh niên xung phong đã hiến dâng cả tuổi xuân cho đất nước nay lở làng duyên phận (Bài Chị tôi):

"Gửi cho Non cả tuổi xuân
Gửi cho Nước cả trắng ngần thịt da
Nụ hồng để lại cho hoa
Tóc dài để lại rừng già cho cây..."

Như anh thương binh cụt hai chân mà làm được cô nuôi trẻ:

"Anh vừa là mẹ, là cha
Vừa là cô giáo, vừa là vú nuôi"

(Bài Anh thương binh làm cô nuôi trẻ).

Như người nữ giao liên mù thời kháng chiến, như chú Tám chưa giàu mà đã làm từ thiện không biết mệt, như bà mẹ hai mươi năm đưa đò miễn phí cho bộ đội và các cháu học sinh:

"Ngày vài chục chuyến thoi đưa
Hai mươi năm lẻ nắng mưa mặc trời"

(Bài Bà mẹ đưa đò miễn phí)

Trong thơ về đề tài Tổ quốc của Phạm Quyết có hai điều đặc sắc tạo nên nét riêng của tác giả.

- Một là những rung động tâm hồn của tác giả bắt nguồn từ cuộc sống của một người đầy từng trải, từng sống dưới thời đen tối trước 1945 rồi giác ngộ cách mạng, đi theo Đảng, chiến đấu dưới lá quân kỳ gần 40 năm. rồi trở về trong đoàn quân chiến thắng, nên thơ ông vừa đậm nét trữ tình vừa có chất lạc quan hùng tráng:

"Tám lòng đây ấp thương yêu
 Trái tim chìm nổi bao điều ước mong
 Một đời xuống biển lên rừng
 Cho ta thơm quế, cay gừng hôm nay"

(bài Già gừng, già quế)

Đặc biệt đối với Bác Hồ, Phạm Quyết đã học tập Bác, không dùng những lời to tát, chỉ mượn hình ảnh "Cây Bụt mọc" mà nói được công lao trời biển của Bác:

"Ngỡ như dưới tán cây này
 Một ông Bụt sống về đây cứu đời"

- Điều đặc sắc thứ hai là bước nhảy vọt về chất trong tình cảm về quê hương. Bài thơ "Quê hương" của Đỗ Trung Quân có hai câu:

"Quê hương mỗi người chỉ một
 Như là một mẹ mà thôi"

Câu thơ đó rất hay. Song với anh bộ đội cụ Hồ đã từng đi khắp đất nước, đem mồ hôi xương máu để bảo vệ từng tấc đất, từng vùng trời của các miền quê, với bao kỷ niệm thân thương thì nội hàm của hai chữ "Quê hương" đã được mở rộng, không còn bó hẹp trong cái làng riêng của mình. Phải có tình yêu lớn

với quê hương mình và cả nhiều miền quê khác, tác giả mới có được bài thơ hay như bài "Nhớ làng" đã dẫn ở trên.

Một người đã suốt đời chiến đấu vì Tổ quốc nay làm được những bài thơ hay về Tổ quốc là điều dễ hiểu và không bất ngờ. Điều bất ngờ đối với người đọc tập thơ là trong phần thứ hai, tác giả Phạm Quyết, một người đã bước vào tuổi bảy mươi năm mà vẫn làm được những bài thơ về tình yêu say đắm.

Đọc phần thơ này ta bắt gặp hai điều kỳ diệu, sự kỳ diệu của thơ và sự kỳ diệu của tình yêu. Đây là sự kỳ diệu vốn có của thơ và tình yêu mà Phạm Quyết đã khéo vận dụng. Sự kỳ diệu của thơ là nó làm cho tình yêu trở nên lung linh:

"Mùa đông em rải nắng vàng
 Mùa hè nóng lửa em làm mây che
 Em đi sáng một vùng quê
 Em về, xuân cũng theo về với em"

(bài Tình em vàng mười)

Đoạn thơ này đã gợi tôi nhớ đến mấy câu thơ tình của Chế Lan Viên:

"Em đi như chiều đi
Gọi chim vườn bay hết
Em về tựa mai về
Rừng non xanh lộc biếc"

(Tình ca ban mai)

Còn tình yêu đã làm cho thơ trở nên kỳ ảo, biến hoá muôn hình như một bức tranh đa sắc, một hoà tấu đa thanh. Có tình yêu e ấp buổi ban đầu:

"Có phải thư em gói nụ cười
Lén nhờ cơn gió gửi cho tôi
Không nói nên lời khi muốn nói
Tôi cảm thương nhớ đặt lên môi"

(Bài khi yêu)

Có tình yêu sau nhiều nghìn ngày xa cách đến lúc lão niên trở về vẫn đầm thắm nồng nàn:

"Hỡi người xưa để tôi mê
Trở về tôi cứ ngỡ về cõi tiên"

(Bài hỡi người xưa...)

Có tình yêu chốn đường phố xô bồ mà vẫn đẹp:

"Kém chi dưa ngọc mâm vàng
Anh xe ôm với cô nàng bán cơm"

(Bài lục bát ghép vần)

Có mối tình tái giá đầy tính nhân văn:

"Mẹ con sắp sửa lấy chồng
Lên xe hoa vẫn bế bông con theo"

(Bài bông bóng phấp phồng)

Và cái giai điệu cao nhất của bản nhạc tình yêu là sự khao khát yêu của một cô gái lỡ thì:

"Sẽ thả bùa mê người ấy nhất
Đem về khoá cửa để em thương"

(Bài Giá như)

Thơ tình của Phạm Quyết vừa thể hiện được những rung động của tình yêu bình dị, trần thế vừa nói được cái cao cả của tình yêu.

Trước đây Xuân Diệu - ông hoàng thơ tình của Việt Nam khi được hỏi ông thích bài nào nhất trong thơ tình của ông, Xuân Diệu đã trả lời đó là bài "Biển". Ta đã biết bài "Biển" một bài thơ tình nói được cái cao cả của tình yêu và cả những điều cao hơn tình yêu nữa. Đó là sự hoà hợp của biển trời, sông núi để tạo nên cuộc sống của con người ngàn lần tươi đẹp. Bài "Khối vàng tình yêu" của Phạm Quyết tả hòn Trống Mái không hề có dung tục mà đã biểu hiện được điều thiêng liêng cao cả của thiên nhiên, con người và của

ình yêu. Xin trích bốn câu của bài đó:

*"Trời xanh sắp đặt
Biển biếc nâng niu
Nghìn năm lời gió
Khối vàng tình yêu"*

Với bài thơ này Phạm Quyết đã thực hiện được yêu cầu đối với nhà thơ là phải đến với cuộc sống bằng một trái tim tình nhân và một đôi mắt triết nhân.

Cái đẹp của tình yêu là vô tận, nói bao nhiêu cũng chưa hết, chưa đủ. Các thi sĩ lỗi lạc đã viết nhiều tuyệt tác về tình yêu: Xuân Diệu có "*Biển*", Xuân Quỳnh có "*Sóng*", Chế Lan Viên có "*Tình ca ban mai*", Huy Cận có "*Anh viết bài thơ*", Hoàng Cầm có "*Lá diêu bông*". Nhưng vẫn cứ còn đất rộng cho mỗi chúng ta rút ruột tằm ca ngợi tình yêu. Các bài thơ "*Tình em vàng mười*", "*Khối vàng tình yêu*", "*Khi yêu*" của Phạm Quyết cũng là điều minh chứng.

Tập thơ của Phạm Quyết cũng không tránh khỏi có những khuyết điểm. Một số bài thơ tác giả đã viết theo một công thức có kết luận định trước, mang đậm dấu ấn của những báo cáo tổng kết của các vị chính uỷ nên bài thơ không giữ được vẻ hồn nhiên. Một số

bài khác tác giả còn nặng về kể sự việc, chưa đào sâu vào nội tâm, chưa tìm tòi cách biểu hiện để đạt đến độ trữ tình sâu sắc của thơ.

Dù có những khuyết điểm đó, tập thơ "*Tim trầm*" của Phạm Quyết cho ta thấy những rung động đẹp đẽ về Tổ quốc và tình yêu với những cung bậc của một tâm hồn còn rất thanh xuân.

Trên con đường đi "tim trầm" trong cõi thơ, tác giả đã tìm thấy hương thơm lý tưởng của Tổ quốc, quê hương, tìm thấy hương thơm của tình yêu cao cả và cả những hương hoa thơm ngát của đời thường.

- 2004 -

Xuân Nùng

CON ĐƯỜNG NGOẠN MỤC
(ĐỌC TẬP THƠ "HOA NẮNG" CỦA ĐINH THỊ HẰNG

Nhà xuất bản Thanh niên 2004

Tập thơ "Hoa nắng" của Đinh Thị Hằng cho ta thấy đoạn đường từ nhà giáo đến nhà thơ là một đoạn đường rất ngoạn mục. Nhà giáo Đinh Thị Hằng với lòng yêu nghề, yêu trẻ đã phát hiện những nét thơ trong tâm hồn lứa tuổi thần tiên để xuân hoá trái tim mình. Trái tim thương yêu rung động cất lên thành những tiếng thơ.

Phải yêu và hiểu học trò lắm mới có thể viết:

"Em giặt mình, trang vở nở đầy hoa

Hoa nắng chín, vàng ươm như giọt mật"

(Bài "Hoa nắng" - trang 11)

"Hoa nắng" ở cái thời điểm tiết 1 buổi chiều là phát hiện thú vị. Tiết 1 khoảng 13 giờ, thời khắc chuyển giao giữa trưa sang chiều. Ngoài trời thì:

"Ông mặt trời hồ hởi

Đổ nắng đầy đường"

Trong lớp học "Cô trò cùng say say ngây ngất" với một bài học về tình yêu. Để rồi mọi thứ bỗng trở nên

lung linh huyền ảo. Để rồi trang vở em nở đầy hoa nắng. Hoa điểm 10, hoa chín vàng ươm, ngọt ngào. Cái gì đã cho nắng nở hoa, kết trái nếu không phải là:

"Trong gian khó càng mê say

Trái tim yêu trẻ đêm ngày thiết tha"

(Bài "Nghề em" - trang 45)

Dường như có một khoảng trời yêu thương luôn ám ảnh tâm hồn tác giả để mỗi công việc bình thường của nhà giáo đều mang ý nghĩa sâu sắc. Ánh mắt học trò thành nguyên cơ của những dòng tâm sự.

" Từ khoảng trời em mỗi giờ lên lớp

Tôi thấy yêu hơn, cuộc sống đời thường

Rồi từ trong niềm sâu thẳm yêu thương

Tôi muốn tặng em bầu trời hy vọng"

(Bài "Khoảng trời trong mắt em" - trang 18)

Tác giả luôn chớp được những rung động hồn nhiên tươi trẻ của học trò. "Ba điều ước" trong ngày khai trường, "Lời tâm sự của cây bàng" trong ngày tổng kết. Rồi "Cái sổ đầu bài", "Thử làm bộ đội", "Giờ học cuối cùng"... Những ai từng qua tuổi học trò, đã một lần về dự hội trường hẳn sẽ đồng cảm với Đinh Thị Hằng trong "Khoảng trời xưa":

"Quá nửa cuộc đời bỗng gặp nhau
Đang ngay ngắn vụt thành nhí nhố
Mình, tôi, nó, bọn... tất cả cùng hội ngộ
Cười nói thả phanh sống lại tuổi mười lăm"

Mỗi người khi yêu đều trở thành thi sỹ. Điều ấy thật đúng với chùm thơ chị viết về quê hương, gia đình. Một bức tranh cảnh vật trong "Chợ hoa chiều tất niên" thật duyên dáng, tươi tắn mà vẫn lộ những nét rất riêng của tác giả:

"Quất đỏ, mai vàng dẫm nắng hanh
Đào tươi duyên dáng cả thân cành
Hoa Viôlét màu chung thủy
Sắc tím mơ màng giữa tán xanh"

Thăm Đà Lạt, vùng đất mộng mơ đậm màu sắc sử thi, cảnh đẹp như níu bước chân du khách:

"Chốn bỗng lai muốn dừng chân
Chợt nghe vắng tiếng chuông ngân cõi đời"

(Bài "Đèo Ngoạn Mục" - trang 72)

Tiếng chuông hay tiếng gọi của trái tim yêu đời, luôn tha thiết gắn bó với cuộc đời này.

Hóm hỉnh và bất ngờ hơn cả là những bài thơ viết về người thân, gia đình. Mỗi bài là một trải nghiệm về

tình yêu hạnh phúc. Bài "Mong" phảng phất dư vị ca dao với đủ cung bậc: Nhớ - thương - hờn - giận... Một tâm trạng trống vắng khắc khoải trong chiều cuối năm trên sân ga.

"Em đứng giữa sân ga
Thấy đất trời rộng quá
Giờ này, anh ở đâu"

(Bài "Ga" - trang 58)

Một cảm nhận thấm thía chân thành về hạnh phúc
"Thật hạnh phúc khi được ai hờn giận"

(Bài "Giận hờn" - trang 59)

Một lời triết lý giản dị mà không kém phần sâu sắc trong "Nếu không có tình yêu".

Và cái cách dùng thơ để tháo gỡ những cuộc "Chiến tranh lạnh" trong gia đình trí thức cũng thật dí dỏm:

"Anh không cười không nói
Trông lại càng đáng yêu..."

(Bài "Khi anh không nói" - trang 62)

Phải có một tình yêu nồng hậu, cộng với bản lĩnh của một người có nghệ thuật sống đẹp mới phát hiện và giải quyết tốt những điều tế nhị trong cuộc sống gia đình như vậy, không để cái bé xé ra to.

Tác giả Đinh Thị Hằng viết văn làm thơ, đăng báo đã lâu, nhưng in tập thơ thì đây là tập đầu tiên nên khó tránh khỏi thiếu sót. Câu thơ đầm thắm, êm dịu, chân phương nhưng còn ít chiều sâu. Một số bài có cấu trúc dàn trải chưa tạo được những sóng lớn của thơ trữ tình.

Điều đáng trân trọng là tác giả đã có được một chủ nghĩa nhân văn mang màu sắc của riêng mình mà dấu ấn bao quát là hai chữ: Tình yêu, tình yêu nghề, yêu cuộc sống, yêu gia đình... Tình yêu trong thơ Đinh Thị Hằng đã được cá biệt hoá bằng trái tim nhân hậu, nhạy cảm, của một nhà giáo giàu tâm huyết.

Xin trân trọng giới thiệu tập thơ "Hoa nắng" với bạn đọc và chúc tác giả có những thành công mới.

Tháng 9 năm 2003

Xuân Nùng

THƠ VỀ CẢNH HOA BÈO

(ĐỌC BÀI THƠ "HOA BÈO" CỦA NGUYỄN CÔNG TỬ)

Đọc tập thơ lục bát 300 bài của 125 tác giả lọt vào chung khảo, được chọn ra từ hơn hai vạn bài dự thi thơ lục bát toàn quốc của Tuần báo văn nghệ, tôi thấy có bài "Hoa bèo" của Nguyễn Công Tử;

*"Hoa bèo hỏi mấy người ưng
Mà đâu hoa có lạnh lòng với ai
Chẳng ghen với cúc với mai
Chẳng thơm như thể hòa nhài hoa ngâu
Nổi trôi mưa nắng dãi dầu
Vẫn luôn kiêu hãnh một màu thủy chung"*

Đọc bài thơ ta thấy ngay là tác giả muốn nói đến những nét đẹp của cuộc sống được ẩn trong cái vỏ ngoài bình thường.

Phát hiện vẻ đẹp đáng quý trong bề sâu của sự vật giống như viên ngọc quý bên trong một hòn đá xù xì, chính là nét bẩm sinh trong phẩm chất của các nhà thơ.

Nhà thơ Baudelire (Bô đơ le) ở Pháp cũng nổi tiếng chính vì cái tài phát hiện được vẻ đẹp ở ngay những sự vật có bề ngoài xấu xí. Với một tâm hồn nhạy cảm

Nguyễn Công Tú đã thể hiện vẻ đẹp của hoa bèo theo một cách riêng. Hoa bèo không lạnh lùng, vẫn phô màu hoa tím ngát để làm đẹp mắt người nhưng người đời lại không chú ý đến hoa. Các thi sỹ nói đến hoa, đến trăng, đến gió... chẳng qua là để nói về những con người.

Nét đẹp của bài thơ còn ở chỗ tác giả đã nói lên tính khiêm nhường của hoa bèo. Đã có nhiều bài thơ nói về bèo và hoa bèo với những góc nhìn khác nhau.

Lê Anh Xuân nói đến hoa bèo khi anh trở về quê nội:

"Hoa lục bình tím cả bờ sông"

Tản Đà lại viết:

"Bềnh bồng mặt nước chân mây

Đêm đêm sương tuyết ngày ngày nắng mưa"

Nguyễn Công Tú cũng nói đến sự nổi trôi của hoa bèo giống như thân phận người con gái với mười hai bến nước nhưng anh đã khắc họa sâu tính cách khiêm nhường của hoa bèo.

Bông hoa bèo làm ta liên tưởng đến các cô thôn nữ hay lam hay làm để nuôi sống bản thân, gia đình và xã hội mà không hề ghen tỵ với ai. Đó cũng là một bài học nhân sinh mà hoa bèo đã hiến cho ta. Với những nét đẹp đó bài thơ đã đạt được một giá trị nhân văn.

Nhưng nếu thiếu đi hai chữ "kiêu hãnh" ở câu kết thì bài thơ sẽ không toàn vẹn. Vì sao vậy? Nếu thiếu từ "kiêu hãnh" người ta có thể hiểu lầm là tác giả tuyên truyền cho sự an phận. Tính kiêu hãnh có lúc là xấu, có lúc lại là cần. Nếu ta kiêu hãnh về tài năng hay sắc đẹp thì là sai. Nếu ta kiêu hãnh vì tấm lòng chung thủy, thì đó là sự cần thiết.

Tuy nhiên hai từ "kiêu hãnh" chưa phải là mắt của bài thơ "Hoa bèo". Mắt thơ của bài này chính là hai chữ "thủy chung". Hoa bèo vẫn nở hoa tím ngát làm đẹp cuộc sống như một biểu tượng của lòng chung thủy mặc dầu còn ít người chú ý đến và đó chính là nét đẹp nhất của bài thơ, nếu suy sâu hơn một chút, những người cầm bút chúng ta nói chung và những người làm thơ nói riêng, bất kể còn những gì chưa ổn, chúng ta vẫn nở nhiều tác phẩm để làm hoa cho đời.

Bài thơ lục bát có 6 câu đã gợi cho ta bao điều thú vị. Thơ lục bát của Việt Nam cũng thật là hàm súc biết bao.

Chúc tác giả nhiều thành công mới.

31 - 10 - 2002

Xuân Nùng

NHỮNG CUNG BẠC TÌNH YÊU TRONG THƠ PHẠM QUYẾT

(LỜI BẠT TẬP "THƠ TÌNH THƠ HOA" 2002)

Làm thơ tình về tình yêu vừa dễ vừa khó. Dễ vì ai chẳng từng yêu - khó vì đã có hàng triệu bài thơ tình của hàng vạn tác giả trên hàng trăm nước, bài thơ của ta viết như thế nào để nốt nhạc tình yêu mang đậm dấu ấn "của riêng tôi" giữa trăm ngàn cung bậc.

Phạm Quyết đã tìm được con đường riêng của mình. Thơ tình của Phạm Quyết đã thể hiện được sức mạnh huyền bí của tình yêu - Khi ta yêu, người yêu của ta như được bao phủ bằng một vầng hào quang huyền thoại:

*"Mùa đông em rắc nắng vàng
Mùa hè nắng lửa em làm mây che
Em đi sáng một vùng quê
Em về xuân cũng theo về với em"*

(Bài "Vãn câu lục bát")

Ngay cả khi đang tắm trên sông cũng xuất hiện những câu thơ tựa như "Thần giao cách cảm":

*"Tôi cảm nhận có ai đùa trong sóng
Làm dạt dào nghiêng ngả cả dòng sông
Ở cuối dòng em đang tắm phải không?"*

(Bài "Vàng trắng thương nhớ").

Một thành công nữa trong thơ tình của Phạm Quyết là tác giả đã nói rất hay về một mối tình chung thủy mà không cần viện dẫn những lời cao cả:

*"Hỡi người xưa để tôi mê
Trở về tôi cứ ngỡ về cõi tiên..."*

(Bài "Hỡi người xưa...")

Đã không ít người sau thời gian dài xa nhà, làm nên nhiều chiến thắng, khi quay về nhìn lại người yêu thấy xuân sắc đã tàn phai qua cuộc chiến đầy gian lao, đã rắp tâm làm một cuộc thay lòng. Phạm Quyết đã ca ngợi cái buổi trở về ấy như về lại cõi tiên. Câu thơ như một tiếng reo vui của một tấm lòng trung hậu trong tình yêu.

Cây đàn tình yêu trong thơ tình Phạm Quyết đã rung lên nhiều cung bậc điển hình.

Khi phải lòng nhau, cô gái bỗng thấy:

"Anh như bình đẹp, em thành bông hoa"

(Bài "Phải lòng")

Đây là cái bản khoán của cô gái khi có hai chàng cùng yêu:

"Ngã ba sông một mối tình

Hai người ấy đã yêu mình thật sao!"

(Bài "Ngã ba sông")

Nói về người vợ goá tái giá, Phạm Quyết có câu thơ đầy lòng nhân ái:

"Mẹ con sắp sửa lấy chồng

Lên xe hoa vẫn bế bồng con theo"

(Bài "Bong bóng phật phòng")

Câu thơ đã mang được sắc hồng của người trong cuộc và tư duy mới của người ngoài cuộc, không còn đau đớn như xưa "Mẹ đi lấy chồng con ở với ai"

Về những mối tình muộn mằn, Phạm Quyết đã có những câu thơ nâng niu:

"Cũng đều bở ngỡ nụ hôn

Để lòng thổn thức, để hồn vu vơ"

(Bài "Tình muộn")

Cái cay đắng của một chàng trai thất tình mà vẫn còn yêu đã được tác giả thể hiện rất tinh vi:

"Nàng là công chúa của tôi

Tôi là Hoàng tử bỏ rơi của nàng"

(Bài "Nu na nu nống")

Những bài thơ về hoa của Phạm Quyết cũng là những biến thái của thơ tình. Thử so sánh một chút, ta thấy thơ về hoa của Bắc Môn miêu tả rõ đặc điểm của hoa trước khi nói đến tình hoa tô điểm cho cuộc đời tươi mát, thơ về hoa của Lương Hiền mượn hoa làm bối cảnh để nói tình người, làm cho hoa trở nên có tâm hồn. Còn thơ Phạm Quyết có xu hướng biến hoa thành Người đẹp, Người yêu, Người tình, thậm chí mơ thấy người đẹp từ hoa bước ra cùng mình tự tình, cùng mình du lịch vào Nam ra Bắc (Bài "Hoa Mai") hoặc chỉ còn lại hai người "Lan với Anh" (Bài "Hoa Lan")

Về nghệ thuật ngôn từ tác giả có những câu thơ tạo hình độc đáo như:

"Thời gian ươm chín trái tim"

(Bài "Ước gì lại tuổi lên mười")

"Tôi cảm thương nhớ đặt lên môi"

(Bài "Khi yêu")

"Sông như một chiếc gương tình"

(Bài "Dưới bóng trăng")

"Nụ cười má lúm đồng tiền

Mà như sao mọc trăng lên đêm rằm"

(Bài "Ước gì lại tuổi lên mười")

Có những câu thơ ví von mang sắc thái dân gian:

"Trống ai dặt mối đưa tình

Làm cầu nối nhịp cho mình lấy ta"

(Bài "Tiếng trống chèo")

"Quả còn theo bước quân hành

Lúc như "bầu rượu", lúc thành nắm nem"

(Bài "Quả còn")

Tuy nhiên, vẫn còn một số bài thơ tác giả thể hiện khái quát tốt hơn cái cụ thể, làm cho hình tượng thơ chưa thật sinh động, chưa đào thật sâu vào tâm trạng của những người đang yêu.

Một người đã qua tuổi bảy mươi mà vẫn còn nhiều rung động đẹp đẽ về tình yêu, còn viết được những bài thơ trữ tình thấm thiết, phải chăng tâm hồn tác giả Phạm Quyết đã được ủ trong chất men của thanh xuân nên trẻ mãi như một loài hoa bất tử.

Thu năm 2002

MÙA XUÂN VÀ TÌNH YÊU

(ĐỌC BÀI THƠ "XUÂN SANG" CỦA NGỌC HOA

IN TRÊN TẠP CHÍ SÔNG CHÂU SỐ 31 NĂM 2002)

Đúng như nhà thơ Vương Trọng từng nói: "Thơ không phải là nơi để các nhà thơ chơi chữ mà là để chuyển tải những nỗi niềm".

Trong thơ Việt Nam, những nỗi niềm về mùa xuân và tình yêu đã nhiều vô tận. Mỗi nhà thơ lại có nỗi niềm riêng làm cho tình yêu và mùa xuân muôn màu muôn vẻ.

Trước khi nói đến bài thơ "Xuân sang" của Ngọc Hoa tôi xin điểm qua một số nỗi niềm về tình yêu và mùa xuân của các nhà thơ lớp trước.

Xuân Diệu từng viết đại ý: "Đến hơi thở chót vẫn cứ si tình đến ngất ngư". Vậy là tình yêu cũng có giờ chót.

Tản Đà viết:

"Ngoài trăm tuổi vắng ta trên trần thế

Xuân nhớ ta chưa để biết đâu tìm"

Như vậy xuân là bất tận mà ta thì không còn nữa. Bài thơ của Ngọc Hoa như sau:

Xuân Sang*Xuân sang người tăng một tuổi**Lõi cây dầy thêm một vòng**Trái đất già cùng nhân loại**Chỉ riêng mùa xuân là không**Trẻ em thêm phần khôn lớn**Bớt đi vụng dại ngây thơ**Người già tiến gần cõi thọ**Lại về với tuổi thơ xưa**Em, Anh không già không trẻ**Thời gian ngưng kết trong ta**Tình yêu sao mà lạ thế**Hoá thân, xuân cũng bất ngờ.**Xuân 2002*

Với hai đoạn đầu của bài thơ tác giả thừa nhận quy luật của thiên nhiên. Xuân sang, trái đất, nhân loại, cây cối, mọi sự vật đều già đi, chỉ riêng mùa xuân là không. Tuy vậy tác giả đã phát triển mặt tích cực của mùa xuân: trẻ em khôn lớn, người già tăng thọ. Đặc biệt với người già Ngọc Hoa rất ưu ái bằng câu thơ: "Lại về với tuổi thơ xưa"

Người già sẽ lại sống hồn nhiên như trẻ thơ, cách đây gần ba nghìn năm ông Trang Tử từng viết: "Tạo hoá cho ta sinh ra để ta được sống, cho ta trẻ để ta hạnh phúc, cho ta già để ta an nhàn, cho ta chết để ta nghỉ ngơi". Như vậy là cuộc sống không có điểm dừng, tuổi già lại trở về với tuổi thơ.

Tuy nhiên hai đoạn thơ trên chỉ là cái nền, cái phong để tác giả đưa ra hai điều suy tư sâu sắc.

Một là anh và em không già cũng không trẻ vì thời gian đã ngưng kết trong tình yêu.

Hai là mùa xuân cũng bị bất ngờ.

Ngọc Hoa không suy tưởng dựa trên những duy lý của các nhà hiền triết hay tín điều của các nhà tu hành mà là những cảm xúc với chiều sâu của hai chữ "tình yêu". Khi yêu nhau:

*"Em, anh không già không trẻ**Thời gian ngưng kết trong ta"*

Tình yêu không cần đến ý niệm thời gian. Đã có người muốn chế tạo ra cái máy quay ngược thời gian để tình yêu nồng thắm mãi như buổi ban đầu. Với hai câu thơ trên Ngọc Hoa đã bất tử hoá tình yêu và vô định hóa thời gian.

Trước một tình yêu như thế, mùa xuân vốn tự hào vì riêng mình trẻ mãi, nay cũng bị bất ngờ vì có một tình yêu cũng bất chấp thời gian.

Bài thơ "Xuân sang" đặc biệt là đoạn cuối Ngọc Hoa đã có một cách thể hiện mới của riêng mình về mùa xuân và tình yêu.

Thơ Ngọc Hoa ngay trong những bài trung bình cũng có những câu hay đột xuất.

Trong bài "Nuối tiếc" (tạp chí Sông Châu số 39 năm 2003) nói về quê hương có 2 câu:

"Trời sao - tấm bánh đa vùng

Con đò - trăng khuyết ngập ngừng sang sông"

Trong bài "Hoa xuân" (Tạp chí Sông Châu số 37 năm 2003) nói về các loài hoa và kết bằng hai câu:

"Bước từ trong bếp em tôi

Má hồng gom cả một trời đầy hoa"

Riêng bài "Xuân sang" là một bài thơ hay hoàn chỉnh không cần phải chữ nghĩa cầu kỳ, hai câu kết giản dị của bài thơ như hai dòng tuyệt bút lấp lánh mãi trong hồn ta:

"Tình yêu sao mà lạ thế

Hoá thân xuân cũng bất ngờ"

17 - 01 - 2005

NHỮNG BÀN TAY NHIỆM MẦU

(ĐỌC BÀI THƠ "NÉT ĐẸP CHÂU GIANG" CỦA NGUYỄN VĂN NHỤN

Tạp chí Sông Châu số 32 năm 2002

Với bài thơ "Nét đẹp Châu Giang" Nguyễn Văn Nhuận đã có những câu thơ vừa tạo hình sắc nét vừa biểu hiện được nhiều nét đẹp của mảnh đất Hà Nam. Bài thơ như sau:

Nét đẹp Châu Giang

Gặp bình minh ở Châu Giang

Với trăm cô gái thêu hàng xuất biên

Nét xuân trên tấm lụa mềm

Ngày mai say đắm trăm miền đại dương

Em là nghệ sĩ quê hương

Tô thêm dáng vẻ bình thường dân gian

Cánh rồng bay, mái đình làng

Tiếng gà gọi mái dưới làn lá xanh

Dòng sông bờ bãi lượn quanh

Sau bờ tre trúc ấm lạnh tiếng ru

Bàn tay em đó như thơ
 Chọn trăm màu chỉ khéo lừa đường kim
 Năm cánh hoa nở dịu dàng
 Lên đê từng đã chống tràn đó sao?
 Đẻo trong điệu múa đêm chèo
 Những bàn tay, những nhiệm màu tuổi xuân
 Thâm biết ơn đất Châu Giang
 Cánh đồng chiêm trũng mùa màng bội thu
 Nắng vàng rực đó hay mơ
 Thêu thêm nét đẹp bài thơ cuộc đời...

Ngay đoạn thơ đầu tiên tác giả đã vẽ nên một bức tranh đầy ấn tượng: trăm cô gái thêu hàng xuất biên hiện lên cùng với bình minh trên Châu Giang.

Và những tấm lụa mềm thêu nét xuân ấy sẽ theo dòng sông Châu ra biển cả để đến với trăm vùng đất nước làm say đắm trăm miền đại dương.

Với đoạn 2 tác giả đã xúc cảm trước tài năng của các nàng nghệ sỹ đã vẽ lên được cái hồn của những miền quê với sáu hình ảnh thân thương: dòng sông, mái đình, tiếng gà, tiếng ru, bờ tre và tán cây xanh.

Những hình ảnh thân thuộc bình thường ấy được đan dệt quấn quýt với nhau, vừa êm đềm, thơ mộng

vừa thiêng liêng. Điều đáng chú ý là vẻ đẹp quê hương ở đây đậm nét của một miền quê hương thanh bình và là vẻ đẹp của sự sinh sôi. Tiếng gà không phải gà gáy sáng mà là tiếng gà trống gọi gà mái, bờ sông thì uốn lượn ôm ấp lấy bờ bãi và tiếng ru thì ấm lành.

Nếu bài thơ dừng lại ở đây thì cũng đã đạt được vẻ đẹp của một bài thơ trữ tình.

Tác giả đã đào sâu hơn đến cội nguồn của cái đẹp trên đất quê hương.

Đó là những bàn tay lao động mà năm ngón như năm cánh hoa vừa chống lũ tràn, vừa múa đẻo trong đêm chèo lại khéo lừa kim chỉ thêu hoa trên lụa. Đã từng có biết bao bài thơ, câu thơ ca ngợi những bàn tay.

Hoàng Trung Thông viết: "Bàn tay ta làm nên tất cả", Trần Thị Nhật Tân có câu thơ: "Tay em có phải tay tiên" để ca ngợi các cô gái trồng vườn quả.

Đinh Viết Bảo tôn vinh sự thần kỳ của bàn tay người mẹ đung vào đầu cũng làm sự sống nảy nở, vượt má con làm con ngoan hơn.

Còn ở bài "Nét đẹp Châu Giang", Nguyễn Văn Nhuận đã coi những bàn tay tài hoa của các cô gái thêu hàng xuất biên là những bàn tay nhiệm màu của tuổi xuân. Những bàn tay ấy đã thêu nên những tấm lụa quý cũng đồng thời thêu nên nét đẹp của bài thơ cuộc đời.

Có thể nói với bài thơ trên, những nét đẹp quê hương Hà Nam đã được bình phương lên với hai lần cách điệu hoá: "Năm cánh hoa nở dịu dàng" và "Nét xuân trên tấm lụa mềm". Nhưng như Chế Lan Viên từng nói: "Khi thơ bình phương thì đời lại lập phương". Các nhà thơ luôn phải làm một cuộc maratông để theo kịp cái đẹp của cuộc sống.

Việc thù hàng xuất biên cũng như bất cứ một hình thức công nghệ nào cũng chỉ tồn tại trong một giới hạn nhất định của thời gian. Nhưng với bài thơ, nét đẹp lung linh ấy đã được bất tử hoá và đó chính là sứ mệnh của nhà thơ.

Bài thơ đến đoạn 3 đã hoàn chỉnh và tứ thơ đã nổi bật lên với câu: "Những bàn tay những nhiệm màu tuổi xuân".

Do đó 4 câu đoạn cuối của bài thơ là không còn cần thiết nữa, tinh thần của 4 câu đó là cần đối với một bản báo cáo tổng kết còn với bài thơ thì không cần.

Nhưng dù có hay không có 4 câu ấy thì đây vẫn là một bài thơ hay.

Ngày 18 tháng 01 năm 2005

THÂN GÁI DẶM TRƯỜNG
(ĐỌC HAI TẬP THƠ "TÌM LẠI TUỔI THƠ" VÀ "TỰ RU"
CỦA CHU THỊ PHƯƠNG LAN
Xuất bản năm 2004

Hai tập thơ cùng xuất bản một ngày, cùng bao gồm những bài thơ sáng tác từ cuối những năm sáu mươi của thế kỷ trước cho đến tận gần đây, nghĩa là trên 30 năm của đời thơ tác giả. Do vậy tôi phải gộp cả hai tập thơ lại để viết lời bình, nhờ đó mới có cái nhìn bao quát và chính xác hơn về thơ của tác giả.

Cuộc đời của một người phụ nữ, có ai lại không cần đến một cánh tay vạm vỡ của một người đàn ông kể cả khi đó là một phụ nữ anh hùng. Nhưng nếu khi số phận gặp nhiều điều không may mắn mà cánh tay chỗ dựa lại kém tin cậy hoặc không có thì người phụ nữ ấy rơi vào cái thế "Thân gái dạm trường".

Nếu trên dạm trường của cô Kiều là bọn ma vương quỷ sứ, Tú Bà, Sở Khanh thì nhân vật trữ tình trong thơ Chu Thị Phương Lan lại rơi vào những bi kịch khác: Mồ côi mẹ, rồi mồ côi cha, hôn nhân trắc trở, những ngày dài cô đơn.

Chúng ta vô cùng thông cảm với những điều bất hạnh ấy qua những dòng thơ:

"Mẹ ra đi con còn thơ dại

Sống tủi hờn giữa thăm thẳm cô đơn"

(Bài "Tết của con" trang 6 tập "Tự ru")

Và: "Cách nhau một lớp cỏ mềm

Âm dương gần gũi bên thêm trời mây

Vẫn còn nắm đất kê đây

Mẹ gìn giữ để mai ngày phân con"

(Bài "Thăm mẹ" trang 13 tập "Tự ru")

Và đây là hai câu thơ nói về sự cô đơn:

"Tưởng như có bàn tay ai

Hoá ra ở giữa thiên thai một mình"

(Bài "Một mình" trang 23 tập "Tự ru")

Nếu xung quanh ta có nhiều người mang nỗi đau giống ta thì hình như nỗi đau ấy dịu đi nhưng ở đây là sự cô đơn ở giữa biển hạnh phúc của bao người đang sống cõi thiên thai thì cái đau lại càng thấm thía.

Thơ của Chu Thị Phương Lan còn mang cả nỗi đau về những quất quay của nhân tình thế thái:

"Như Tố Hữu ước Sếch Pia sống lại

Để mỉm cười với cuộc sống hôm nay

Thì vàng đáy - đến bây giờ vẫn thế

Nó quay cuồng cho thế thái đổi thay"

(Bài đọc Sếch Pia trang 69 tập "Tìm lại tuổi thơ")

Trong một lần tâm sự với bạn thơ, Tố Hữu có nói:

"Câu thơ tôi hứa hẹn với các cô kỹ nữ trên sông Hương hoá ra đến giờ vẫn chưa thực hiện được".

Ở đây ta gặp một nỗi đau tương tự của Chu Thị Phương Lan từ Sếch Pia đến nay đã năm thế kỷ chưa đủ để xoá hết mọi bất công đau khổ.

Tuy mang nhiều nỗi đau nhưng nhân vật phụ nữ trong thơ Chu Thị Phương Lan vẫn ngẩng cao đầu không cam chịu yếu hèn với những câu thơ toả sáng:

"Dẫu mồ côi nhưng không chịu yếu hèn

Không gục ngã trước cuộc đời bão táp"

(Bài "Tết của con" trang 7 tập "Tự ru")

Và:

"Em không khóc khi thấy mình cực nhọc

Chẳng khóc bao giờ trong những buổi chia tay"

(Bài "Hay khóc" trang 15 tập "Tự ru")

Mang nỗi đau về tình yêu hôn nhân, nhân vật trữ tình trong thơ Chu Thị Phương Lan không vì thế mà giậm hờn, vẫn ca ngợi vẻ đẹp tuyệt vời của tình yêu với nhiều bài thơ câu thơ duyên dáng.

Đây là sự khao khát tình yêu cháy bỏng:

"Anh hãy là biển biếc

Hôn em như sóng triều"

(Bài "Hạt cát" trang 39 tập "Tự ru")

Đây là vẻ đẹp huyện diệp của tình yêu:

"Anh đã hoá phép màu huyền thoại

Hoa lại tươi và chồi lại biếc xanh"

(Bài "Tiền định" trang 54 tập Tự ru)

Đây là vẻ đẹp thánh thiện của tình yêu:

"Anh là một áng mây hồng

Trên trời xa tít vẫn lồng bóng em"

(Bài "Mây và hoa" trang 46 tập Tự ru)

Đây là vẻ đẹp trẻ trung của tình yêu:

"Một trăm tuổi với tình yêu

Vẫn xao xuyến những buổi chiều nhớ mong"

(Bài "Yêu" trang 32 tập Tự ru)

Chẳng riêng với tình yêu nam nữ, thơ Chu Thị

Phương Lan còn chan chứa tình yêu cuộc sống:

"Nhu hạt mầm vẫn đội đất vươn lên

Trái kín đất một màu xanh no ấm

Đủ năm tháng cho trái cây vừa chín

Đủ tình đời cho ta dệt bài ca"

(Bài "Đất mũi" trang 17 tập Tìm lại tuổi thơ)

Và: "Gánh hoa sớm chiều ra phố

Bên hoa cô gái mỉm cười"

(Bài "Quê mẹ" trang 46 tập Tìm lại tuổi thơ)

Dù trong mình mang những nỗi đau, tâm hồn của chủ thể trữ tình trong thơ Chu Thị Phương Lan không hề bị cằn cỗi mà đã cảm thông chia sẻ với bao người bất hạnh khác. Đây là tiếng khóc thương anh kỹ sư nông nghiệp qua đời:

"Đồng lúa nhớ thương anh

Những giọt sương long lanh

Những giọt lệ chào anh vĩnh biệt"

(Bài "Lúa khóc" trang 3 tập Tìm lại tuổi thơ)

Đây là tình thương đối với hai nhà thơ Xuân Quỳnh và Lưu Quang Vũ:

"Có thể nào hai ngôi sao cùng rơi

Cho cuộc sống bỗng trở nên thiếu vắng"

(Bài "Những ngôi sao không cô đơn"

trang 71 tập Tìm lại tuổi thơ)

Thật cảm động khi đọc những câu thơ về các cô thanh niên xung phong:

"Nhiều cô gái ra đi chưa một lần hò hẹn

Chưa một lần được hát bản tình ca

Chưa một lần được nói tiếng đôi ta
Mà em đã hoá thân thành tiếng hát"

(Bài "Tình ca cho những người đã khuất"
trang 27 tập *Tim lại tuổi thơ*)

Chúng ta hãy nghe những lời cầu mong của tác giả
đối với các chiến sỹ Trường Sa:

"Em muốn gió đưa mây mang hơi nước trong đồng
Ra tới đảo tìm các anh mưa xuống"

(Bài "Gửi mưa cho Trường Sa"
trang 30 tập *Tim lại tuổi thơ*)

Những em bé phải tha hương để kiếm sống cũng
được an ủi:

"Tôi muốn được hoá thành gió lộng
Quạt cho các em trong những trưa hè"

(Bài "Tim lại tuổi thơ" trang 42 tập *thơ cùng tên*)

Tình thương của tác giả còn trải rộng đến những
nông dân đang hai sương một nắng, đến nhân dân ở
mảnh đất tận cùng của Tổ quốc, đến nhân dân Irắc
đau thương, đến người tù cộng sản xa xưa, đến anh
hùng Chêghêvara, có thể nói là để tình trang trải đến
trăm nơi.

Để hoá giải những nỗi đau, Chu Thị Phương Lan

đã tìm đến với thơ, coi thơ như một vị cứu tinh cho
tâm hồn mình để thanh thản yêu đời với những câu
thơ rất thấm thiết:

"Ta tìm đến với thơ

Một người tình thân thiết

(Lời đề từ tập *Tim lại tuổi thơ*)

"Đưa tay vịn lấy vần thơ

Hoa đào hé nở đang chờ xuân sang"

(Bài "Vịn" trang 22 tập *Tự ru*)

"Lựa lời gửi trọn tâm tình cho thơ"

(Bài mở đầu tập *Tự ru*)

"Cho trọn đời em gửi gắm vào thơ"

(Bài "Tình anh ở trong em" trang 48 tập *Tự ru*)

Thêm một lần chúng ta tự hào về sự trong lành và
thanh cao của thơ, về khả năng thơ có thể thanh lọc
tâm hồn.

Chu Thị Phương Lan đã tỏ ra hân hoan khi viết
những dòng về nghiệp văn thơ của mình:

"Không mùa vụ sao suốt đời tất bật

Chẳng thấy giàu mà vẫn cứ hát ca

Lao động nghề văn không có tuổi già"

Và: "Tầm rút ruột nhả tơ trong lạng lẽ
Tấm lụa vàng hoá phép một đời dâu"

(Bài "Lao động nghề văn"
trang 55 tập *Tìm lại tuổi thơ*)

Hai tập thơ của Chu Thị Phương Lan cũng không tránh khỏi một số nhược điểm: Tác giả chưa chú ý đến bố cục mỗi bài thơ cho thật hợp lý. Ví dụ bài "Du lịch suối tiên" (trang 50 tập *Tìm lại tuổi thơ*) đáng ra đoạn 2 phải là đoạn mở đầu còn đoạn đầu đáng ra phải thành đoạn 4 thì bài thơ sẽ có cấu trúc hợp lý hơn. Thỉnh thoảng tác giả như đang trí đánh rơi một câu thơ lạc vào không đúng chỗ. Ví dụ câu "Ở bên trong quân Mỹ biết những gì" trong bài "Gửi" (trang 44) tập *Tự ru* hoàn toàn là một câu thừa.

Thơ Chu Thị Phương Lan giàu tình cảm, trong 94 bài có tới 54 bài về tình cảm, nhiều bài có chất quật cường, tính chiến đấu song cũng giống như thơ Trần Thị Nhật Tân vẫn còn một chút bi lụy. Có những cái bi không thể gọi là bi lụy. Khi đi thăm mộ mẹ thấy còn mảnh đất dành phần cho mình nói lên tình cảm sâu đậm mẹ con muốn được gần nhau không thể coi là bi lụy. Có lúc tác giả thấy mình chỉ có một mình

giữa cõi thiên thai giống như ca từ của Văn Cao trong bài Trương Chi: "Ta ca trái đất còn riêng ta" cũng đều chưa phải là bi lụy. Nhưng đến bài "Ngày giỗ" (trang 21 tập *Tự ru*) coi ngày sinh nhật là ngày giỗ trước thì không còn tình yêu cuộc sống. Tuy vậy điều bi lụy này chỉ là tâm trạng, là trạng thái tâm hồn thoáng qua chứ chưa phải là tư tưởng. Ngày xưa Tản Đà là người có nhiều bài thơ chán đời nhưng sự chán ấy vẫn còn nhẹ nhàng. Ví như câu thơ:

"Ngoài trăm tuổi vắng ta trên trần thế
Xuân nhớ ta chưa để biết đâu tìm"

Câu thơ buồn man mác song cái tình vẫn ấm cúng làm sao.

Với một người chuyên viết văn xuôi nay một lúc in hai tập thơ là điều đáng quý và đáng phục.

Xin chúc tác giả có nhiều thành công mới.

Ngày 01 tháng 3 năm 2005

Xuân Nùng

THƠ LẠI TIẾN HÙNG
MỘT HỒN THƠ ĐA CẢM

(NHÂN ĐỌC TẬP THƠ CỦA LẠI TIẾN HÙNG)

Tập thơ lưu hành nội bộ Người cao tuổi

Đọc mấy câu đầu của bài thơ thứ nhất đã thấy Lại Tiến Hùng viết:

"Thơ tôi dù dấm men cay

Xin người có uống chớ say dấm tình"

Nhưng tôi lại muốn đắm mình vào các trang thơ của Lại Tiến Hùng để tìm hiểu cõi tâm hồn của tác giả. Bài thơ đầu như một tuyên ngôn và đọc xong toàn tập 72 bài, ấn tượng bao trùm nhất của tôi: Đây là một hồn thơ đa cảm mang dấu ấn của bao nhiêu mối tình: Tình quê, tình người, tình yêu. Tình cảm ấy có cả buồn vui, có cả giận hờn xót xa nhiều khi đắng đót nhưng vẫn ấm nóng một lòng yêu đời:

"Ngẫm mình như hạt mưa rào

Gió thu nhẹ dấy rơi vào vườn cây

Mong cho cây bớt héo gầy

Vườn xuân kia sẽ nở đầy hoa tươi"

Tình quê trong thơ Lại Tiến Hùng có đủ những nét tươi đẹp, thiêng liêng và thơ mộng. Đây là cảnh thiên nhiên kỳ thú:

"Núi đá vôi dấu trong hàng tử khối

Xanh đôi chè và xanh cả rừng mơ"

"Đồng Châu Giang dịu hiền như con gái

Sóng Sông Hồng cuộn cuộn đục ngày ngâu"

Và đây là cảnh đêm chèo ở quê hương:

"Những đêm trăng tiếng trống chèo dóng dả

Tay Thị Mầu vẫy quạt đến là xinh

Để những chàng trai đêm về vất vả

Chỉ mong sao cô ấy vẫy riêng mình"

Nhưng đáng chú ý nhất là Lại Tiến Hùng đã nói nhiều đến tình quê của những người xa quê đã lâu ngày nay được trở về quê hương.

"Anh về vui lại ruộng đồng

Vườn cây ao cá, lúa bông trĩu vàng"

"Nửa đời người đã đi xa

Mặt người mặt đất bây giờ khác xưa

Chẳng còn nước ngập đồng chua

Chẳng còn cái cảnh kéo bừa thay trâu"

Nói đến tình người trong thơ Lại Tiến Hưng thì đây là một điểm trội, hầu như bài nào cũng động đến tiếng bầu, tiếng trúc của con tim. Có một người yêu một cô mẩu giáo nhưng lại yêu luôn cả sự nghiệp của cô đang chăm sóc đàn em thơ:

"Cô mẩu giáo của tôi ơi

Yêu em, yêu cả khoảng trời em yêu"

Và đây là tình cảm "Uống nước nhớ nguồn" đối với một gia đình liệt sỹ:

"Bàn thờ con nở đầy hoa

Hoa trong lòng mẹ, hoa ca ngợi tình"

Tình thầy trò cũng lưu lại những câu thơ ấm lòng:

"Bó hoa em đưa tặng tôi

Ngát hương thắm sắc lòng người như hoa"

Đây là tình gia đình, mẹ con trong một cảnh lấy chồng xa:

"Chia tay nhà gái ra về

Còn ai đứng vịn bờ đê Sông Hồng"

Cả đến vùng trăng cũng biết: "Thương cho cậu giáo soạn bài đêm khuya"

Bên cạnh tình quê dạt dào, tình người nổi trội thì tình yêu lại là phần phong phú đa dạng nhất, nhiều

cung bậc và cũng nhiều trữ tình hơn cả. Trong 72 bài thơ của toàn tập có 10 bài nói đến tình quê, 12 bài nói đến tình người và 18 bài nói đến tình yêu. Còn 11 đề tài khác cộng lại chỉ có 32 bài. Tổng số những bài thơ về tình đã chiếm tới 40 bài (trên 55%)

Nói đến tình yêu trong thơ Việt Nam và thế giới thì không bút mực nào tả xiết. Có ông vua hiếu sắc nhưng lại trở thành thần tượng của tình yêu như Đường Minh Hoàng. Có nàng Juyli của Bai Ron đã yêu Đông Giăng đến mức:

"Em yêu anh

Vì tình yêu mất hạnh phúc gia đình

Mất danh dự lương tâm và tất cả

Nhưng chẳng bao giờ em tiếc đã yêu anh"

Lại có mối tình đầy thi vị như câu chuyện Giamilya mà nhà thơ Aragông đã ca ngợi là thiên tình sử đẹp nhất thế gian.

Còn thơ tình yêu trong thơ Lại Tiến Hưng cũng rất nhiều xao xuyên. Có bài nói về tình yêu đẹp, ca ngợi lòng chung thủy, có cả tình yêu đơn phương, tình yêu không đúng chỗ nhưng nhiều nhất là những mối tình éo le, tình đầu không thành, những mối tình lỡ dở,

tình yêu từ thuở học trò, những tình yêu để lại dư vị đắng cay và khó quên:

"Những khi trời nổi cơn mưa

Bỗng dung bóng dáng người xưa lại về

Tình đầu sao khó quên ghê

Hay tôi đã nhiễm bùa mê của nàng"

Thơ của Lại Tiến Hùng thuộc loại thơ mà người đọc khó nắm bắt cho trúng những xao động trong tâm hồn tác giả. Các bài thơ thường xen lẫn những âm hưởng đối nghịch, vui buồn xen lẫn, có khi vui mà vẫn pha chút ngậm ngùi, có khi buồn lại xen vào lòng tự hào và tình yêu cuộc sống.

Xem xét kỹ ta thấy những lúc vui là lúc tâm hồn tác giả ở giữa tập thể, giữa cộng đồng như khi nói về ngày xuân, chúc tết, về cuộc họp người cao tuổi, về một vùng quê sau bao năm xa cách, vui với những đổi mới của quê hương đất nước kể cả những vùng tác giả chỉ đi qua hoặc đến chơi như Vũng Tàu, Tam Điệp:

"Thao trường anh lính quân đoàn

Giờ giải lao cứ muốn sang bên này

Hỡi cô má đỏ hây hây

Cho anh xin nắm chè này uống chơi"

Còn khi tác giả nói đến những nỗi niềm riêng thân phận (kể cả mình, người thân và bạn bè) thì giọng thơ có nhiều u uẩn trầm buồn:

"Ngược dòng tôi chẳng biết bơi

Tôi xin chấp nhận cuộc đời bản thanh"

Hoặc là:

"Xuân ơi xuân đến rồi ư

Lịch quên không xé ngày giờ quên luôn"

Có thể nói Lại Tiến Hùng hân hoan trước cuộc đời mới rộng mở nhưng lại canh cánh những nỗi niềm riêng tư về thân phận của những con người. Chỉ có 11 bài nói lên niềm vui và một bài vui giương (thích thú được tự do sống một mình) trong khi có 16 bài có nỗi buồn. Nếu kể cả 8 bài nhớ mong, nhớ thương, nhớ tiếc, có xen một chút buồn thì tổng số bài buồn gấp đôi số bài vui cho nên tôi gọi đó là sự đa cảm của hồn thơ.

Đời người, ai cũng có những vui buồn, sướng khổ, may rủi, nhưng cái tạng của mỗi người có khác nhau nên phản ứng lại cũng khác nhau. Có người cứ vô tư, ăn no, ngủ kỹ. Có người thoả mãn với cái đạt được. Có người dằn vặt đau khổ vì những điều bất như ý. Có

người vươn tới cuộc sống thanh thản, không bận lòng về những thiệt hơn để tiếp tục cống hiến cho đời như câu thơ của chính tác giả:

"Nhọc nhằn xưa đã quên rồi

Giờ đây chỉ thấy cuộc đời thanh cao".

Và để thực hiện điều cao cả đó, tác giả đã lấy thơ làm nơi để hoá giải những nỗi niềm sâu kín của mình.

Cách đây gần 3000 năm, Quản Trọng một chính khách thời chiến quốc đã nói: "Để tiêu sầu không gì bằng nhạc, để nguôi giận không gì bằng thơ".

Khi những nỗi niềm riêng ấy đã thành thơ thì nó lại có cuộc đời riêng của nó, không còn hoàn toàn theo cái gậy chỉ huy của nhà thơ nữa. Những nỗi niềm thơ ấy đã mở ra một chân trời mới cho cả nhà thơ và người đọc.

Trong một bài thơ tự hào của tác giả có 4 câu sau:

"Hoa dù siêu sắc siêu hương

Ông chỉ là khách qua đường ngắm chơi

Dối già một chút mà thôi

Trăng hoa cho hết một thời trăng hoa".

Khách qua đường thấy hoa đẹp ngắm chơi một chút, sao có thể gọi là trăng hoa. Nếu chỉ thế mà là

trăng hoa thì ai cũng trăng hoa, ai cũng có cả một đời trăng hoa (chứ không chỉ một thời).

Cái điều tác giả tự cười mình ấy lại chính là nét đẹp của cuộc sống chứ đâu phải lỗi lầm. Nếu trước mắt ta hiện lên một người phụ nữ đẹp mà ta không thấy một chút rung động nào thì một là ta không phải đàn ông, hai là ta sắp về với Diêm Vương.

Khép lại các vấn đề ta thấy thơ Lại Tiến Hưng thể hiện một tâm hồn đa cảm, giàu tình yêu cuộc sống, dù có nỗi buồn có đắng đót nhưng vẫn yêu. Tuy nhiên không khỏi còn tồn tại một chút xiu gì đó không ổn trong quan niệm về cuộc sống mà điển hình là câu thơ:

"Cõi trần ta đã trót sinh"

Trước năm 1945 nhà thơ lãng mạn Vũ Hoàng Chương từng viết

"Lũ chúng ta

Đầu thai nhằm thế kỷ".

Đạo Phật cũng nói "hữu thân hữu khổ" và cho rằng muốn khỏi khổ chỉ có cách đừng sinh ra ở trên đời.

Trần Thái Tôn còn nhấn mạnh hơn: "Thân thị khổ bản" nghĩa là thân xác con người là nguồn gốc của nỗi khổ.

Đó là quan niệm của những thời đại khác, thế giới khác, giai cấp khác. Còn chúng ta, hạnh phúc thay, chúng ta được sống trong thời đại Hồ Chí Minh, được hưởng ánh sáng của chủ nghĩa Mác Lê Nin được sống giữa thế kỷ 20 và đầu thế kỷ 21 là lúc loài người đã làm một cuộc đổi đời vĩ đại, lại có khoa học kỹ thuật phát triển như vũ bão, chúng ta thấy rõ cuộc sống chính là niềm vui và cái đẹp.

Vì vậy tôi muốn mạn phép tác giả sửa chữ "trót sinh" trong bài thơ đầu tiên thành chữ "được sinh". Tôi cũng biết đó chỉ là tâm trạng trong một phút nào đó của tác giả chứ không phải là tư tưởng thường trực. Nếu không thì tác giả đã chẳng viết được câu thơ:

"Trắng hoa cho hết một thời trắng hoa"

Ngày 7-8-2002

Xuân Nùng

PHẦN II

ĐÔI ĐIỀU NGHIÊN CỨU VỀ THƠ CA

LÀM THẾ NÀO ĐỂ CÓ THƠ HAY
TÀI LIỆU BỒ DƯỠNG NGHIỆP VỤ LÀM THƠ CHO CÁC
HỘI VIÊN CÂU LẠC BỘ SÔNG CHÂU - THỊ XÃ PHỦ LÝ

PHẦN MỞ ĐẦU:

GIỚI THIỆU MỘT SỐ Ý KIẾN KHÁI QUÁT VỀ THƠ

1. Sóng Hồng nói: "Thơ là nghệ thuật kỳ diệu bậc nhất của trí tưởng tượng". Ví dụ thơ Nguyễn Trãi:

*"Láng giềng một áng mây bạc
Khách khứa hai nghìn núi xanh"*

2. Cách đây gần 3.000 năm Quản Trọng một chính khách thời chiến quốc nói: "Muốn tiêu sấu không gì bằng nhạc. Muốn người giận không gì bằng thơ". Như vậy là thơ có khả năng thanh lọc tâm hồn, ở Việt Nam người mẹ ru con ngủ đồng thời cũng là tự ru mình, quên hết mọi nhọc nhằn, nếu có giận hờn gì cũng người hết.

3. Nhà thơ nga Maiacốpski lại nói: "Làm thơ phải như luyện Radium, nghìn tấn quặng mới được 1gam Radium". Vậy nếu ta làm 10 bài thơ mà phải bỏ đi 9 cũng chưa là nhiều.

4. Nam Mộc nhà lý luận văn học (Việt Nam) viết: "Thơ không có khả năng ôm được voi như tiểu thuyết nhưng lại có khả năng trói voi bỏ rọ".

Ví dụ: Hai câu:

*"Nơi hăm tối là nơi sáng nhất
Nơi con nhìn ra sức mạnh Việt Nam"*

(Thơ Dương Hương Ly)

Có khả năng diễn đạt bằng một chuyên luận.

Câu: "Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước" nói một việc không có thực nhưng lại đúng nhất để biểu thị tâm vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Nói về Bác Hồ vĩ đại mà chỉ cần một câu thơ:

"Mong manh áo vải hồn muôn trượng"

(Thơ Tố Hữu)

Để chứng minh cho luận điểm này tôi xin nêu thêm một sự kiện:

Ở Hung-ga-ri mới xuất bản một tập thơ 250 trang chỉ có một bài thơ 6 câu của Pétôphi dịch thành 200 bài của 48 ngôn ngữ, bài dịch ra tiếng Việt Nam như sau:

*"Tự do và ái tình
Vì các người ta sống
Vì ái tình lỏng lẻo"*

Tôi xin hiến đời tôi

Vì tự do muôn đời

Tôi hy sinh tình ái" .

5. Nhà thơ Lê Đại Thanh nói về thơ bằng hai câu thơ:

"Mỗi người sinh ra không chết bao giờ

Nếu giữa thời gian để lại một bài thơ"

Qua 5 ý kiến trên đây chúng ta đã thấy cái huyền diệu của thơ. Thơ chính là tinh hoa của văn hóa. Thơ rất hàm súc, lời ít mà nói được nhiều. Thơ dẫn ta đến những chân trời xán lạn của tình cảm và trí tuệ.

Đồng thời ta cũng thấy để có thơ hay phải kỳ công như luyện quặng mà 1 gam radium cần đến nghìn tấn quặng và ta sẽ không chết nếu ta để lại cho lịch sử một bài thơ.

PHẦN THỨ HAI:

LÀM THẾ NÀO ĐỂ CÓ THƠ HAY

Có 2 cách để trả lời câu hỏi trên:

1. Cách thứ nhất: Trả lời một cách cô đọng nhất:

Thiên tài của thơ nằm trong trái tim người

Dù đọc triệu cuốn sách, trí óc siêu việt nhưng nếu thiếu tình cảm không thể có thơ hay. Người làm thơ cần có trái tim mẫn cảm có giây thần kinh nhạy bén giống như dây thần kinh trần.

Nhà thơ Pháp Alfred de Musset (Anphơ rê đờ Muýt xê) nói: "Hãy đập vào trái tim anh. Thiên tài là ở đây"

Như vậy thiên tài thơ không xa lạ, không bí ẩn mà ở trong trái tim.

2. Cách trả lời thứ hai: Trả lời cụ thể:

Để có bài thơ hay phải đạt được 5 yêu cầu cụ thể sau đây:

1. Phải có chất thơ.
2. Bài thơ phải thấm đượm chất nhân văn
3. Bài thơ phải đạt được sự hài hoà.
4. Phải có hình tượng đẹp.
5. Phải có tính sáng tạo.

PHẦN THỨ BA:

NĂM YÊU CẦU CỤ THỂ

I- Chất thơ:

Chất thơ là gì và ở đâu? Chất thơ nằm trong 4 vùng.

A- Trước hết chất thơ nằm trong sự rung động cảm xúc:

Không có cảm xúc không phải là thơ. Những rung động cảm xúc được thể hiện ra trên tám dạng.

1. Thể hiện qua hình ảnh:

Ví dụ câu thơ Chế Lan Viên:

"Những đời thường cũng có bóng hoa che"

2. Dùng so sánh:

Ví dụ thơ Bùi Thành (Phường Quang Trung):

"Bài thơ như vụn tinh binh

Áng văn khơi dậy muôn tình nước non"

3. Dùng liên tưởng:

Ví dụ câu:

"Tình yêu bắt đầu từ đôi mắt

Ngày mai bắt đầu từ hôm nay" (Hoàng Văn)

4. Dùng đảo ngữ:

Ví dụ:

Đẹp vô cùng Tổ quốc ta ơi (Thơ Tố Hữu)

(Nếu văn xuôi là "Tổ quốc ta đẹp vô cùng")

Ví dụ 2: "Mái rạ nghìn năm hồng thay sắc ngói"

(Thơ Chế Lan Viên)

5. Dùng điệp ngữ và từ lấp láy:

Ví dụ: Chinh Phụ Ngâm có :

"Hoa dãi nguyệt, nguyệt in một tấm

Nguyệt lồng hoa, hoa thắm từng bông"

Ví dụ 2:

"Lao xao bến nước vàng vàng sóng

Bảng lảng hoàng hôn tím tím đời"

(Thơ Thanh Trúc - xã Thanh Châu)

6. Dùng đối ngữ:

Ví dụ:

"Ngọc Lũ xưa in niềm rộn rã

Đọi Sơn giờ dóng tiếng xôn xao"

(Thơ Đinh Cẩm - Phường Quang Trung)

Ví dụ 2:

"Phố xá lên đèn hoa lấp lánh

Tàu thuyền sáng điện bóng phiêu diêu"

(Thơ Lương Hiền - Hội VHNT Hà Nam)

7. Dùng hình ảnh tương phản:

Ví dụ: Nơi hăm tối là nơi sáng nhất.

(Thơ Dương Hương Ly)

8. Dùng thán từ:

Ví dụ: *Việt Nam ôi! Tổ quốc thương yêu* (Thơ Tố Hữu)

Trên đây là 8 dạng biểu hiện những cảm xúc rung động nhưng chủ yếu phải do tấm lòng. Dù sử dụng biện pháp nào mà trong lòng không thực sự rung động thì cũng chưa phải là chất thơ.

B- Chất thơ ở ngay trong hiện thực:

Hiện thực đi vào thơ không theo diện mà theo điểm.

Viết về đánh đu (Hồ Xuân Hương):

Bốn mảnh quân hồng bay phấp phới

Hai hàng chân ngọc duỗi song song

Hình ảnh rất hiện thực mà rất điển hình, sinh động.

Viết về sự ngán ngủ của đời người Tản Đà có câu:

"Vèo trông lá rụng đầy sân"

Tả cảnh Trường Thi - Nam Định thời Pháp thuộc

Tú Xương viết:

"Trên ghế bà đầm ngoi đít vịt

Dưới sân ông cử ngồng đầu rồng"

(Hai điểm chấm phá cực kỳ hài hước)

Nếu không chọn được những nét thật điển hình của hiện thực ta có thể đưa ra một diện rộng của hiện thực nhưng phải tạo ra một cái trục để xoay quanh thì

bài thơ vẫn không bị loãng (Ví dụ bài "Lời ru của mẹ" của Nguyễn Thị Thành - xã Phù Vân).

Ví dụ 2: Bài thơ "Hát với lời hoa" của Nguyễn An Ninh nói đến cả thời thơ ấu, thời trai trẻ đi đánh giặc, thời trở về làm thầy giáo nhưng toàn bài xoay quanh cái trục là hoa.

Ví dụ 3: Bài "Gió làng" của Đinh Nam Khương đề cập đến nhiều vấn đề của quê hương nhưng vẫn xoay quanh cái trục là gió (Báo Hà Nam ngày 11/10/2002)

C- Chất thơ hiện ra trong trí tưởng tượng:

Một số ví dụ:

- Vàng trắng ai sẽ làm đôi (Truyện Kiều)

- Trống tràng thành lung lay bóng nguyệt (Chinh Phụ Ngâm)

- Trăng treo đầu súng (Thơ Chính Hữu)

- Súng ngủ trời (Thơ Quang Dũng)

- Chỉ còn máu sông Hồng trong quả ngọt

Con chim ăn thấy vị phù sa trong tiếng hót (Thơ Chế Lan Viên)

- Nón chiếu đội nắng vàng lấp lánh

Mẹ trở gánh hàng để trở vai (Thơ Hoàng Trọng Muôn)

D- Chất thơ gắn liền với cái đẹp:

Cái đẹp trong cuộc sống bao gồm rất nhiều lĩnh vực: trăng rằm, hoa nở, thiếu nữ dậy thì, Kén vàng, mây trắng, biển xanh, núi biếc, hoàng hôn tím, bình minh nạm vàng, cả cái đẹp khí tiết, tình người.... Một số ví dụ:

Long lanh đáy nước in trời
Thành xây khói biếc, non phơi bóng vàng
(Kiều)

Hỡi cô tát nước bên đàng
Sao cô múc ánh trăng vàng đổ đi (Ca dao)

Nụ cười má lúm đồng tiền
Mà như sao mọc trắng lên đêm rằm
(Thơ Phạm Quyết
Phường Lương Khánh Thiện)

Chị từ đan dứ với tình
Đời tươi như buổi bình minh nạm vàng
(Thơ Nguyễn Bính)

Quai thao em đội nón nghiêng
Nụ cười hồng má, nổi niêm hội hoa.
(Thơ Mai Thiệp - Phường Trần Hưng Đạo)

II- Tính nhân văn:

Yêu cầu thứ hai cần đạt của một bài thơ hay là phải có tính nhân văn.

Chất nhân văn của bài thơ thường thể hiện trên 6 khía cạnh sau đây:

1. Gọi ra khoái cảm thẩm mỹ, trong sáng, vui tươi, lành mạnh, nồng nhiệt, tình cảm tốt đẹp.

Một số ví dụ:

Anh xa nước thêm thương nhớ nước.
Anh xa em càng nhớ thương em
(Thơ Tế Hanh)

Em về tựa mai về
Rừng non xanh lộc biếc.
(Thơ Chế Lan Viên)

Ta xẻ mình ta ngang dọc chiến hào
Cho Tổ quốc liền sông núi vạn đời sau
(Thơ Chế Lan Viên)

Đời nay tuy chẳng còn dài
Trồng cây nhân đức cho đời mai sau
(Thơ Vũ Phô).

2. Phát huy niềm tin yêu vào cuộc sống và con người:

Một số ví dụ:

Có gì đẹp trên đời hơn thế

Người yêu người sống để yêu nhau

(*Thơ Tố Hữu*)

Tôi yêu quá cuộc đời như con đẽ

Như đêm xuân người vợ trẻ yêu chồng

(*Thơ Chế Lan Viên*)

Yêu đời đời mãi thanh xuân

Yêu xuân, xuân biến cõi trần thành tiên.

(*Thơ Nguyễn Hà Tải - xã Phù Vân*)

Nơi nào mát đất xanh trời

Em ơi! nơi ấy là nơi quê mình

(*Thơ Thanh Đan - xã Thanh Châu*)

Đường đời dẫu có nhiều đen bạc

Cuộc sống xem ra vẫn thắm tình

(*Thơ Nguyễn Văn Tường - Phường Minh Khai*)

Ở đi có xá chi nào

Nhẹ như chiếc lá rơi vào vườn xuân

(*Thơ Lê Viên- phường Minh Khai*)

Bảy mươi chợt tỉnh giấc hoè

Trời cao bỗng thấy bốn bề trắng ngân

(*Thơ Thái Minh Hải - Phường Quang Trung*)

(Bảy mươi tuổi đời, mấy chục năm dạy học trong gian khổ vậy mà tỉnh dậy không hề buồn vì tuổi tác, vẫn thấy trời cao rộng, trăng sáng bát ngát bốn bề thì tác giả quả là rất yêu đời)

3. Bảo tồn nét đẹp truyền thống kết hợp yếu tố tiên tiến:

Một số ví dụ:

Nước Việt Nam từ Đinh, Lý, Trần, Lê

Thành nước Việt nhân dân trong mát suối

(*Thơ Chế Lan Viên*)

Cầu bê tông nối nhịp thay giải yếm

Chiều về anh lại đứng đón em

(*Thơ Trần Bản xã Ngọc Lũ*)

4. Kích thích sự sáng tạo:

Ví dụ: *Không có việc gì khó*

Chỉ sợ lòng không bền

(*Thơ Hồ Chủ Tịch*)

5. Thúc đẩy sự hoàn thiện con người:

Nếu lịch sử chọn ta làm điểm tựa

Vui gì hơn làm người lính đi đầu

(*Thơ Tố Hữu*)

Bài thơ "Tập dưỡng sinh" của Ngọc Thụ có đoạn sau:

Thấy trời xanh biếc mênh mông
 Thấy nhà mình đẹp thấy lòng thanh thơi
 Thấy hoa nở thắm vườn đồi
 Thấy cây trĩu quả tặng người cao niên.

6. Thương xót những con người bất hạnh khổ đau:

Vật vã sông Hồng ơi sóng đỏ
 Nghìn năm lệ chị bao giờ xanh
 (Thơ về Vũ Nương của Nguyễn An Ninh)

Thương ai khuya sớm lẫn hồi
 Tháng năm nhuộm nắng, tháng mười phơi sương
 (Thơ Nguyễn Ngọc Vũ)

Bao đời dãi nắng dầm mưa
 Áo manh cơm độn bao mùa khổ đau
 (Thơ Trần Bình)

III- Tính hài hoà:

Nếu ta ví bài thơ như một con người thì tứ thơ là xương cốt, hình ảnh như da thịt, tình cảm trong thơ như linh hồn. Ba yếu tố phải đồng bộ thì bài thơ mới đạt sự hài hoà. Có những bài thơ tả cảnh thiên nhiên rất đẹp nhưng lại vô cảm, như vậy là không hài hoà. Có những bài thơ nhiều hình ảnh đẹp nhưng lại không

có tứ thơ rõ rệt (cũng không hài hoà). Có bài thơ có tứ thơ hay nhưng hình ảnh lại không sinh động (cũng không hài hoà).

Có những câu thơ chỉ toàn những từ rất bình thường nhưng do tác giả chọn lọc ngôn từ tốt lại biết kết hợp các từ với nhau hợp lý nên tạo ra câu thơ rất hài hoà.

Ví dụ: Câu thơ của Lê Anh Xuân

"Dáng đứng Việt Nam tạc vào thế kỷ"

Câu thơ có hình ảnh không gian thời gian sinh động, có tầm trí tuệ, có tình cảm đẹp tạo nên một câu thơ rất hay cả về tư tưởng và nghệ thuật, cả hình tượng và ngôn từ.

IV-Tính hình tượng:

1. Hình tượng thơ là hiện thực đã thông qua cái nhìn rất riêng tư của nhà thơ:

Ví dụ: Cũng là nói về con sông Tế Hanh viết: "Nước gương trong soi tóc những hàng tre". Nguyễn Đình Thi lại viết: "Những dòng sông đỏ nặng phù sa"(Chú ý chữ nặng là cái riêng của Nguyễn Đình Thi nói lên sự phi nhiêu màu mỡ của lớp phù sa). Còn Hoàng Cầm lại viết về sông Đuống:

"Năm nghiêng nghiêng trong kháng chiến trường kỳ"
(Chú ý điểm sông mà lại nghiêng nghiêng)

Ví dụ 2: Trăng cũng có bao nhiêu tên gọi: Ông tơ, bà nguyệt, chị Hằng, trăng non, trăng lưỡi liềm,...

Riêng Xuân Diệu lại có câu thơ: "Trăng, vú mộng của muôn đời thi sĩ"

2. Hình tượng thơ là giao điểm của tuyến vật thể với hàm nghĩa của bài thơ:

Nói cụ thể nó là cái vỏ bên ngoài, giấu đi cái hàm ý ở bên trong. (Nhưng không được giấu kín quá mà phải để cho người đọc sau khi tiếp nhận có thể diễn đạt lại bằng lời).

Ví dụ: Bài "Cuộc chia ly màu đỏ" nếu tác giả bỏ đi câu cuối cùng của bài không cần nói ra thì người đọc vẫn có thể rút ra cái ý: "Như không hề có cuộc chia ly"

3. Hình tượng thơ là sự thống nhất giữa chủ quan và khách quan:

Nếu nhà thơ nặng về khách quan sẽ sa vào chủ nghĩa tự nhiên.

Nếu nặng về chủ quan nhà thơ sẽ sa vào chủ nghĩa trừu tượng.

4. Hình tượng là sự thống nhất giữa chung và riêng:

Hình tượng thơ phải vừa cụ thể sinh động vừa khái quát mới thành điển hình.

Những bài thơ điển hình về hình tượng đẹp như "Mẹ sông Hồng" của Trần Như Thức, "Chanh thôn làng văn hóa" của Trần Bình, "Làng nghề" của Minh Thuận.

Các bài thơ của nhiều hội viên câu lạc bộ chúng ta thường mắc nhược điểm là có tính khái quát mà thiếu tính cụ thể, cũng có một số ít bài có tính chất cụ thể sinh động nhưng lại thiếu tính khái quát.

5. Hình tượng phải là sự thống nhất giữa lý trí và tình cảm:

Thơ phải "cảm" rồi mới "nhận". Văn xuôi lý luận lại nhận thức rồi mới đến cảm xúc. Với lý luận phải nhận thức là chủ yếu. Với thơ cảm, nhận không chia thành hai quá trình riêng biệt, nó diễn ra đồng thời nhưng "cảm" vẫn là số một.

V- Tính sáng tạo:

Mỗi bài thơ hay bao giờ cũng phải có tính sáng tạo. Chúng ta ai cũng chịu ảnh hưởng của những

người đi trước và cả những người cùng thời nhưng nếu chép nguyên xi một câu thơ của người khác là một điều mà người làm thơ không bao giờ nên làm.

Sự sáng tạo này cần phát huy trên mọi mặt.

1. Sáng tạo về tứ thơ:

Các bài "Lệ" của Xuân Diệu, "Người đi tìm hình của nước" của Chế Lan Viên là những sáng tạo điển hình về tứ thơ.

Ở Hà Nam ta cũng có những bài thơ có sáng tạo về tứ thơ như "Tay mẹ" của Đinh Viết Bảo, "Đào Nguyên" của Lương Hiền, "Câu cá" của Trần Văn Lộc.

2. Sáng tạo hình tượng thơ:

Bài "Dáng đứng Việt Nam" là một điển hình về sáng tạo hình tượng. Người đọc sẽ phải liên hệ đến nghìn năm lịch sử với những Trần Hưng Đạo, Quang Trung, đến những Lý Tự Trọng, Võ Thị Sáu, Nguyễn Văn Trỗi, Nguyễn Viết Xuân. Thời gian làm gì có chỗ để tạc vậ mà sự hy sinh của anh chiến sỹ trong tư thế nhằm bắn đã tạc vào cả thế kỷ, không riêng của Việt Nam, mà là thế kỷ 20 của loài người.

3. Sáng tạo ngôn từ:

- Dùng từ "tuổi thơm" để nói về tuổi nhỏ

(*Thơ Bắc Môn*)

- Cho trăng tắm nước cho đời tắm duyên

(*Thơ Nguyễn Công Tú*)

- Núi hoá xi măng viết ngọn đời

(*Thơ Trần Tuấn Đạt*)

- Thấy mặt trời nở hồng mỗi sớm

(*Thơ Phạm Lê*)

- Tôi cảm thương nhớ đặt lên môi

(*Thơ Phạm Quyết*)

4. Sáng tạo những biện pháp tu từ:

Có rất nhiều cách để sáng tạo trên lĩnh vực này:

- Nhân hoá (làm cho vạn vật đều có tâm hồn)

- Ẩn dụ: "Hồn trai đau kết ngọc

Lõi gỗ xót nên trầm"

Để nói về quá trình vươn lên của Việt Nam

(*Thơ Nguyễn Thế Vinh*)

- Hoán dụ: Bài "Mảnh đất tình yêu"

của Lương Hiền để nói về tình người.

- Ước lệ tượng trưng: Xẻ dọc Trường Sơn (*Thơ Tố Hữu*)

- Phúng dụ: "Nổi sầu Tam Nguyên" của Trần Văn Lộc

- Ngoa dụ:

"Tôi yêu biển con sóng lòng dữ dội
Nâng thuyền lên chạm tới các vì sao"

(Thơ Trần Thị Nhật Tân)

- Sử dụng vần lưng:

"Đường Bạch dương, sương trắng nắng tràn"
(Thơ Tố Hữu)

KẾT LUẬN

Muốn có thơ hay, hãy để trái tim mình rung cảm mãnh liệt đồng thời luôn học, đọc, giao tiếp, sống hết mình để tăng thêm vốn sống, từng trải, kiến thức và nghiệp vụ.

Và trong thơ cái số một vẫn là tình cảm.

Ngày 20 tháng 2 năm 2003

CÁCH LÀM MỘT BÀI THƠ CA TRÙ

Hát ca trù là một hình thức nghệ thuật độc đáo chỉ có ở Việt Nam. Hát ca trù bao gồm:

Một nữ nghệ sỹ trình diễn bài hát, vừa hát vừa gõ nhịp

Một nam nghệ sỹ đệm đàn đáy.

Một đại diện khán giả dùng tiếng trống để cổ vũ và khen tặng những chỗ hay.

Bài viết này không đề cập đến toàn bộ nghệ thuật hát ca trù mà chỉ nói riêng về phần thơ ca trù, chủ yếu là cách thức để làm một bài thơ ca trù.

Trước hết xin nói rằng: Những ai đã làm được thơ lục bát, thơ 7 chữ và thơ tự do đều có thể làm được thơ ca trù vì thơ ca trù chính là tổng hoà của ba loại thơ đó, chỉ có một số rất ít quy định về vần luật để dễ hát và hát được hay.

I. Kết cấu

Bài thơ ca trù đầy đủ lệ bộ nhất, cũng là phổ biến nhất mà lại ngắn gọn thường có 15 câu thơ.

1. 4 câu đầu viết theo thể lục bát gọi là Mưỡu (xuất phát từ chữ mào là cái mũ đội đầu)

2. 4 câu tiếp theo gọi là khổ đầu, giống như thơ tự do, mỗi câu từ 5 đến 10 chữ, cá biệt có câu chỉ 4 chữ hoặc 12,13 chữ. Tuy nhiên khổ thơ này có khác thơ tự do một chút, chữ cuối của câu 1 và câu 4 phải là thanh trắc còn chữ cuối của câu 2 và câu 3 phải là thanh bằng để cho dễ hát (xem bài mẫu)

3. Tiếp theo khổ đầu đến khổ giữa cũng 4 câu. Khổ này chỉ khác khổ đầu một chút là 2 câu (câu 1 và câu 2) viết theo thể thơ 7 chữ (thời xưa 2 câu này làm bằng chữ Hán, bây giờ ta cứ viết theo thơ 7 chữ Việt Nam). Tuy nhiên bạn nào muốn viết khổ giữa giống hoàn toàn như khổ đầu cũng không sao vì vẫn hát được.

4. Sau khổ giữa đến khổ xếp gồm 2 câu (cũng từ 5 đến 10 chữ) và kết thúc bằng một câu keo bao giờ cũng 6 chữ. Với 2 câu của khổ xếp thì từ cuối của câu 1 là thanh trắc, từ cuối của câu 2 là thanh bằng.

II. Vẫn

Trong mỗi đoạn 4 câu thì các câu lẻ (câu 1 và câu 3) chỉ có một vẫn chân còn câu chẵn (câu 2 và câu 4) vừa có vẫn chân vừa có vẫn lưng. (Xem bài mẫu)

III. Nhịp

Luật bằng trắc của thơ ca trừ không nhất khe như ở thơ Đường song nếu muốn thuận tai và dễ hát được hay thì theo cách sau đây:

Mỗi câu thơ đều ngắt làm 3 nhịp, từ cuối của 3 nhịp đó phải tuân theo trình tự "bằng, "trắc", bằng" hoặc "trắc, bằng, trắc"

IV. Bài mẫu của Tản Đà

Trời nắng

<i>Muốn</i>	{	Tình riêng/ trăm ngẩn/ mười ngờ
		Ngồi buồn/ lấy giấy/ viết thơ hỏi trời
		Xem thơ/ trời cũng/ bật cười
		Cười cho/ hạ giới/ có người oái oăm

<i>Khổ đầu</i>	{	Khách/ hà/ nhân giả (trắc)
		Cớ làm sao/ xuống xã/ dám đưa thơ (bằng)
		(Vẫn lưng) (Vẫn chân)
		Chốn thiên cung/ ai kén rẻ/ bao giờ (bằng)
		(Vẫn chân)
		Chi những sự/ vẫn vợ/ mà giấy má (trắc)
		(Vẫn lưng) (Vẫn chân)

<i>Khổ giữa</i>	{	Chức nữ/ tảo tòng/ giai tế giá (trắc)	
		(Vần chân)	
		Hàng Nga/ bất nại/ bão phu miên (bằng)	
		(Vần chân)	
<i>Khổ xếp</i>	{	Mở then mây/ quảng trã/ bức hồng tiên (bằng)	
		(Vần chân)	
		Mời khách/ hã y ngồi yên/ trong côi tục (trắc)	
		(Vần lưng)	(Vần chân)
<i>Câu keo</i>	{	Người dâu/ kiếp trước/ Đông Phương Sóc (trắc)	
		(Vần chân)	
		Ăn trộm đào/ quen học/ thói ngày xưa (bằng)	
		(Vần lưng)	(Vần chân)
		Trần gian/ đầy mãi/ không chừa	

V. Những điều cần chú ý:

1. Phần Mưỡu rất linh hoạt có thể 4 câu mưỡu đầu và 4 câu mưỡu hậu đặt trên câu keo. Có thể không có cả mưỡu đầu và mưỡu hậu. Thông thường là có 4 câu mưỡu đầu không có mưỡu hậu có khi lại chỉ có 2 câu mưỡu đầu.

2. Bài mẫu là để tham khảo song có thể vận dụng linh hoạt không nhất thiết phải đúng tuyệt đối.

Ngay trong bài mẫu này ở câu 2 khổ giữa cũng không tuân theo đầy đủ luật gieo vần đã nói ở trên (cụ thể là câu 2 đáng lẽ phải có vần lưng hiệp vần với chữ "giá" ở câu trên).

Việc phân nhịp cũng có một câu đầu của khổ xếp không tuân theo luật bằng trắc đã nói trên.

3. Tóm lại trừ phần mưỡu phải là lục bát, câu keo phải là câu lục, còn lại có thể viết theo thể thơ tự do người hát vẫn hát được. Để cho dễ hát chỉ cần nhớ là mỗi đoạn 4 câu thì từ cuối của câu 1 và câu 4 là thanh trắc, từ cuối của câu 2 và câu 3 là thanh bằng

4. Tác giả nào muốn viết bài dài để chuyển tải nội dung lớn thì cứ thêm vào sau khổ giữa miền là cứ cấu tạo thành từng khổ mỗi khổ 4 câu giống như khổ giữa.

Tháng 12-2004
Xuân Nùng

MÉT ĐẸP CỦA MỘT BÀI CA DAO

Người Việt Nam có lẽ ai cũng biết bài ca dao sau đây:

"Anh đi anh nhớ quê nhà

Nhớ canh rau muống nhớ cà dầm tương

Nhớ ai dãi nắng dầm sương

Nhớ ai tát nước bên đường hôm mai"⁽¹⁾

Điều trước tiên ta cảm thấy bài ca dao đi vào lòng ta như một cốc nước ngọt. nó giản dị mà dịu dàng sâu lắng.

Ai đi xa mà không nhớ quê hương. Điều đó thật gần gũi. Câu thơ thứ nhất đã mở đầu một cách khái quát. Câu thơ thứ hai đã đưa ra một hình ảnh cụ thể sinh động mà rất đỗi quen thuộc là bát canh rau muống và quả cà dầm tương. Đã từng có nhiều chiến sỹ ta, lâu ngày ở chiến trường, khi có việc hành quân về hậu phương, chỉ mong sao gặp một làng có dân mình để được một bữa rau muống cho thoả lòng khao

⁽¹⁾ Có ý kiến cho bài ca dao này là thơ của Trần Tuấn Khải, nhưng dù do ai viết thì đây vẫn là một bài ca dao.

khát. Câu thơ đã cho ta thấy cái quý giá của một phong vị đồng quê ngọt ngào mà thường khi xa quê rồi ta mới thấy. Với hai câu thơ tiếp theo, bài ca dao đã đề cập đến vấn đề cơ bản nhất của tình quê là tình người ở quê hương. Người ra đi nhớ đến người thương ở quê đang phải dãi nắng dầm sương. Nếu ở quê hương không có một ai đó để ta nhớ ta thương thì cái tình quê ấy không khỏi mờ nhạt.

Điều đáng chú ý là ở 2 câu thơ cuối, tác giả đã hai lần dùng từ "ai". Chữ "ai" đó là đã mở ra một trường liên tưởng rất rộng. Nếu tác giả đặt chữ "em" thay vào chữ "ai" thì vẫn rất hay nhưng biên độ ý thơ sẽ bị thu hẹp. Với chữ "ai", bao nhiêu người đang dãi nắng dầm sương ở mọi miền quê hương đều cảm thấy bài ca dao nói về mình, làm tăng độ rung động và chất trữ tình được mở ra vô tận.

Nhưng vì sao tác giả lại chọn hình ảnh "Tát nước bên đường" để cụ thể hoá sự "dãi nắng dầm sương" của người thương mà không dùng các hình ảnh lao động khác để minh hoạ. Phải chăng vì khi chưa ra đi, tác giả bài ca dao từng cùng người thương tát nước đêm trăng và dưới đáy nước đã in bóng hai người nên

thành một kỷ niệm in sâu.

Cái đẹp bao trùm của bài ca dao này ở tính nhân văn của nó. Người đi xa luôn nhớ đến quê hương thân thuộc mà tiêu điểm là những con người đang vất vả sương nắng để làm ra sản phẩm nuôi sống xã hội.

Nhà lý luận văn học Viên Mai (Trung Quốc) từng nói: "Thơ phải đậm mới hay nhưng là đậm sau khi đã nồng".

Bài ca dao nói trên đúng là đã đạt được cái "đậm" sau khi đã "nồng", tình yêu quê hương nồng thắm, sâu sắc được diễn đạt bằng một vỏ ngôn từ giản dị mà trong sáng.

6 - 4 - 2003

Xuân Nùng

PHẦN III

MẤY CÂY BÚT VĂN XUÔI

NHỮNG TIỂU THUYẾT VÀ ANH HÙNG CA VÀ TRỮ TÌNH (MẤY Ý KIẾN VỀ TIỂU THUYẾT CỦA NHÀ VĂN LƯƠNG HIỀN)

I. "Những nẻo đường số phận" (Nhà xuất bản Lao động 2001)

Quyển tiểu thuyết "Những nẻo đường số phận" có nhiều ưu điểm:

- Tác phẩm đã tái hiện được cuộc sống muôn mặt, cả điều hay điều dở trong chiến đấu, xây dựng, trong những câu chuyện về tình yêu, con người, có cả hạnh phúc và đau khổ, có tình thương yêu và lòng đố kỵ, có cả cái cao thượng và cái ty tiện, xoay quanh một đại đội công binh trên công trường xây dựng thủy điện Sông Đà và sau này mở rộng ra trên một quy mô lớn hơn ở một công trình đê lấn biển.

- Tác phẩm đã xây dựng được nhiều nhân vật có cá tính, tiêu biểu cho nhiều hạng người đang hiện diện trong cuộc sống như Cương, Đồng, Đốc, Thận, Bính...

- Gấp sách lại người đọc thu được nhiều bài học tốt cho cuộc đời của nhiều đối tượng: bài học về lãnh

đạo, về những con người cơ hội, những tấm gương lao động quên mình, quá trình sa sút, biến chất của một số cán bộ có chức quyền...

- Ngoài những vấn đề có tính khái quát nói trên, qua gần 300 trang tiểu thuyết, tác giả đã có những trang, những đoạn, những mệnh đề được tổng kết thành chân lý cuộc sống rất hay.

- Những trang viết về bộ đội làm kinh tế (trang 220 + 221), những trang viết về nhân vật Hoài, qua khó khăn, sa ngã rồi được phục hồi song những nếp nhăn oằn hờn không sao phẳng lại được cũng là những nét rất sinh động trong cuộc sống mang ý nghĩa giáo dục cao (trang 232 đến 237). Những hạt lệ như sương của người già khi tốt cùng hạnh phúc hoặc tốt cùng đau khổ (trang 225).

Quyển tiểu thuyết cũng có vấn đề còn tồn tại.

Theo yêu cầu cần đạt tới của một quyển tiểu thuyết, nó phải vừa là tiểu thuyết sự kiện vừa là tiểu thuyết tính cách, vừa là anh hùng ca vừa là tiểu thuyết tâm lý, vừa là tiểu thuyết hành động vừa là tiểu thuyết của biện chứng tâm hồn. Đối chiếu với ba cặp phạm trù nói trên thì "Những nẻo đường số phận" chưa thật

hài hoà. Phần sự kiện còn nặng hơn tính cách, phần anh hùng ca nặng hơn tâm lý, phần hành động nặng hơn biện chứng pháp tâm hồn.

- Về khắc hoạ nhân vật, bên cạnh những nhân vật được khắc hoạ tốt như Cương, Đồng, Đốc, Hoài, Thận có 2 nhân vật Huyền và Bính làm cho người đọc cảm thấy có sự áp đặt khiên cưỡng của tác giả. Nếu tác giả muốn xây dựng một nhân vật Huyền tha hoá thì phải miêu tả sự biến đổi từng bước theo hoàn cảnh, không thể biến đổi đột ngột quá như vậy được. Và đối với một tính cách có một bước ngoặt biến đổi như vậy có một nguyên lý đã được rút ra từ thời "Chủ nghĩa hiện thực phê phán". Đó là mối quan hệ biện chứng giữa tính ổn định và tính biến đổi, khi nhân vật biến đổi về tính cách nó vẫn giữ lại một phần của tính cách ban đầu.

II. Đường đời giông bão (Nhà xuất bản Hội nhà văn - 1990)

"Đường đời giông bão" là cuốn truyện hấp dẫn, người đọc bị lôi cuốn đọc một mạch đến hết. Trung tâm cốt lõi của bất cứ cuốn tiểu thuyết nào là xây dựng cho được những nhân vật điển hình trong hoàn

cảnh điển hình. Các nhân vật trong "Đường đời giông bão" đã mang được tính chất tạo hình. Diễn biến của số phận càng phức tạp, tính cách nhân vật càng rõ nét. Số phận càng khắc nghiệt bao nhiêu thì hai nhân vật chính Hùng và Loan càng vùng lên để chống lại số phận. Bao nhiêu lần bị chìm xuống là bấy nhiêu lần quyết trời lên, ý chí vượt lên số phận đặc biệt của Hùng thật đáng khâm phục có lúc làm ta liên tưởng đến quyết tâm của Đam San đi chinh phục mặt trời. Ý nghĩa nhân văn cao cả của tác phẩm là ở chỗ này đây. Để xây dựng cho được tính chất tạo hình của nhân vật tác giả phải khắc hoạ hoàn cảnh điển hình. Trong việc dựng hoàn cảnh điển hình của "Đường đời giông bão" tác giả đã hơi quá tay trong nét khắc làm cho người đọc cảm thấy hoàn cảnh xã hội xung quanh Hùng và Loan đen tối quá. Đến như cô Kiều 15 năm lưu lạc trong xã hội cũ, bên cạnh những ma vương quỷ sứ vẫn còn có những tấm lòng vàng. Có thể tác giả không muốn viết một truyện có hậu, muốn rung một tiếng chuông về số phận con người, tác giả đã dùng lưỡi dao giải phẫu mặt trái của hiện thực để lên án những bất công, tàn bạo nhưng nếu không hé mở (dù chỉ hé

mở chút xíu thôi) một chân trời mới cho những con người bất hạnh thì người đọc không khỏi phân vân: "Tương lai sẽ đi về đâu".

III. Hãy để tâm hồn thanh thản (Nhà xuất bản Quân đội nhân dân)

Tiểu thuyết "Hãy để tâm hồn thanh thản" là quyển hay nhất trong 6 quyển mà tôi đã đọc. Nhân vật chính Lê Phương đã được xây dựng một cách công phu và sáng tạo, đã hiện ra như một anh hùng, một con người của lý tưởng. Theo nguyên tắc nghề nghiệp, nhà văn không chụp ảnh cuộc sống mà phải bắt chước sự sáng tạo của cuộc sống. Nếu như nhân vật Huyền trong "Những nẻo đường số phận" là một nhân vật lắp ghép thì nhân vật Lê Phương là một nhân vật sáng tạo trong giai đoạn mới của cuộc sống, tác giả đã vạch ra một sự thật: Có biết bao anh hùng dũng sĩ đã một thời chiến đấu ngoan cường nay bị ngã gục vì những thói xấu chủ quan duy ý chí, kiêu ngạo, hiếu danh, tham lam, ích kỷ, ti tiện chạy theo thành tích để có tiếng vang... Còn Lê Phương, anh luôn chống lại mọi thói hư tật xấu ấy... Lê Phương không xuất hiện

đột ngột như kiểu Từ Hải. Anh từng sống thời thơ ấu nghèo khổ và ham học một cách phi thường. Anh từng chiến đấu trong thời chống Pháp đầy gian khổ rồi được đào tạo cơ bản thành một nhà khoa học có tài năng. Anh luôn làm việc vì lợi ích của nhân dân, lợi ích của cộng đồng. Bao giờ Lê Phương cũng chịu trách nhiệm rất cao trước lời nói và việc làm của mình. Anh luôn luôn chủ động trước mọi hoàn cảnh, không khó khăn nào làm anh lùi bước. Có thể nói Lê Phương là một ngôi sao của giới trí thức trong thời đại mới, là mẫu mực của một con người mới, con người xã hội chủ nghĩa.

Với những ưu điểm trên tiểu thuyết "hãy để tâm hồn thanh thản" đã đáp ứng được hai yêu cầu mà Ăng ghen đề ra cho một cuốn tiểu thuyết hiện thực xã hội chủ nghĩa: "Vừa phải giàu tính hiện thực vừa phải giàu tính lý tưởng". Chất lý tưởng ấy của tiểu thuyết như Phan Cự Đệ đã viết: "Như chất mật ong vàng óng của tác phẩm, như chất men làm say người vậy". Chính vì thế mà tác phẩm vừa có chất anh hùng ca vừa có chất trữ tình.

NHỮNG TIỂU THUYẾT MANG TÍNH SỬ THI

I. Về tiểu thuyết "Cửa ngõ thiên đường"

(Nhà xuất bản Thanh niên 1991)

Quyển "Cửa ngõ thiên đường" đã tái hiện được cuộc sống hăm hở đầy phấn chấn ở một vùng quê, sau những ngày tháng 8 năm 1945, đặc biệt là cuộc sống sôi động của lớp tuổi thanh thiếu niên. Những trang viết về liên hoan văn nghệ, về những mối tình trai gái ở đồng quê, về chuyện hai người con gái đẹp nhất làng viết chung nhau một lá thư tình gửi cho một chàng trai mà hai cô cùng yêu mến là những trang đầy thi vị và óng ánh như màu sắc của cầu vồng. Những đoạn viết về nạn tảo hôn ở miền xuôi, tục cúng ma ở miền núi làm cho ta miệng mỉm cười mà lòng nhói đau về một thời ấu trĩ đã qua.

Khi đọc "Cửa ngõ thiên đường" lần thứ nhất tôi có cảm nghĩ: Nếu lấy tác phẩm này làm một phần của một tiểu thuyết sử thi dài hơi thì hay (vì nó cho thấy cái phức tạp của cuộc kháng chiến do đó giá trị của chiến

thắng càng cao). Còn nếu để miêu tả về giai đoạn cách mạng, một giai đoạn lịch sử (cụ thể là cuộc kháng chiến chống Pháp) thì e rằng nó không phải là bức tranh toàn cảnh dù chỉ là của một địa phương. Sau khi đọc lần 2 tôi đã thấy được dụng ý của tác giả và nhận ra ý kiến trên của mình mới chỉ là cảm tính ban đầu.

Tác giả muốn nói việc xây dựng một cuộc đời mới của dân tộc ta cũng lớn lao vĩ đại như việc tạo dựng một thiên đường. Thiên đường ở đây không phải là thiên đường của Phật trong cõi hư vô cũng không phải chỉ là thiên đường của tình yêu (đấy mới là bề nổi câu chuyện) mà là thiên đường xây dựng ngay trên Tổ quốc thân yêu của chúng ta và cái thiên đường ấy, ngay từ cửa ngõ đã đầy những chông gai và gian khó. Để vào cửa ngõ thiên đường thôi, một làng quê nhỏ bé đã phải trả giá rất cao. Những hoa hậu của làng như cô Miên, cô Tách đã mất cả một thời xuân sắc tươi đẹp. Anh cu Đê còn non nớt trong trắng như pha lê đã bị oan khuất, vùi dập. Những anh Đáng, anh Lỗ đang là người của ta bỗng bị tù oan rồi bị kích động chuyển sang hàng ngũ địch, hỏng cả một đời. Những nạn nhân như cô Châu phải bỏ làng đi biệt tích.

Đọc lại những trang viết về những ngày xa xưa ấy, ta càng thêm yêu, thêm quý những gì ta có hôm nay. Vì thế mà cuốn sách đầy nước mắt lại cho ta những nụ cười về cuộc đời trước mắt và mai sau.

Tuy nhiên đã là tiểu thuyết thì dù sao cũng phải là cuốn bách khoa về đời sống, bức tranh tổng quát của thời đại. Theo tôi dù tác giả chỉ rơi đèn pha vào một mảng hiện thực của đời sống nhưng ánh sáng tán xạ của ngọn đèn pha ấy cần phải làm hiện ra phần nào bức tranh toàn cảnh. Trong tiểu thuyết "Cửa ngõ thiên đường" người đọc chỉ thấy cuộc sống của thanh thiếu niên nhiều hơn, phần về người lớn còn mờ nhạt. Những nét sinh động về tình người trong buổi mới, tinh thần thà chết không chịu làm nô lệ, "cái thuở ban đầu dân quốc ấy", hai chữ "đồng chí" mới mẻ và êm dịu, tất cả những điều đó như một bảo tàng về tâm hồn, tình cảm, ý chí Việt Nam đều chưa được đậm nét trong tiểu thuyết.

II. Về 2 tập tiểu thuyết "Ngọt ngào và Êm dịu"

(Nhà xuất bản Thanh niên 1991)

A- Tính chất sử thi

Hai quyển tiểu thuyết Ngọt ngào và Êm dịu đã vẽ

một bức tranh rất sinh động mang tính chất bi hùng của giai đoạn kháng chiến chống Pháp trong lịch sử Việt Nam. Đây là một giai đoạn mà dân tộc ta từ không đến có, từ nô lệ vùng lên, từ tay trắng làm nên tất cả, từ "trăm năm mất nước mất nhà" đến chỗ "rũ bùn đứng dậy sáng loà".

"Trong cay đắng gian lao vẫn có ngọt ngào

Trong bi thương bão táp vẫn có êm dịu"

Cái ngọt ngào và êm dịu ấy chính là nhờ chất lý tưởng chứ không phải chỉ vì có nhiều mối tình trên những chặng đường chiến đấu gian nan. Chất lý tưởng "trả thù nhà đền nợ nước" như một dòng tư duy đẹp chảy xuyên suốt hai cuốn tiểu thuyết. Những lúc gian nan nhất, bi thương nhất, bế tắc nhất, nhân vật chính tưởng như đã quy lại nhờ vào cái năng lượng vô tận ấy (chất lý tưởng ấy) mà đứng dậy vùng lên. Chất bi càng lớn, chất hùng càng cao. Cuốn sử thi về một thời đại của một dân tộc anh hùng đã được viết lên như thế.

B- Nhân vật anh hùng

Tác giả đã xây dựng được một nhân vật anh hùng tuyệt đẹp. Anh Đen (cũng tức là anh cu Đê trong tiểu thuyết "Cửa ngõ thiên đường") từ một thiếu niên

nghèo nhưng ham học và học giỏi đã sớm tham gia cách mạng từ tuổi 14. Anh Đen đã chiến đấu ngoan cường, chịu nhiều oan khốc, trải qua bao nhiêu cảnh đọa đầy nhục nhã tưởng như đến bực anh hùng cái thế cũng phải sụp đổ. Vậy mà Đen vượt qua hết, anh như một chồi măng đội đất vùng lên, bất chấp bão táp, vươn thẳng lên trời. Đen từng diệt đồn địch, đánh máy bay, tàu chiến giặc. Anh từng bị đói khát hàng chục ngày liền, bị địch chôn sống, từng vượt ngục giữa biển khơi, lạc sang Malaixia, Campuchia, Lào, từng tham gia chiến đấu giải phóng miền nam Trung Quốc, từng vượt thác ghềnh trên sông suối, từng bị voi, hùm tấn công. Lịch sử bi hùng của cả dân tộc đã in đậm nét trong con người nhân vật chính. Đó là vấn đề số phận của Đen. Đen là người đã chiến đấu hết mình cho việc thay đổi số phận của dân tộc, nhưng anh lại không có quyền quyết định số phận của bản thân mình. Bao nhiêu éo le nghịch cảnh đã dồn anh đến chân tường nhưng đều không đè bẹp được anh. Đã có lúc anh cho là định mệnh, có lúc không muốn sống, nhưng rồi lý tưởng cao đẹp đã giúp anh kiên trì chịu đựng vượt qua mọi thử thách tưởng như sức người

không thể vượt nổi. Đen vẫn lấy sự kiên nhẫn và thời gian để chiến thắng số phận như Cutudốp đã dựa vào hai đồng minh đó để chiến thắng Napolêông. Điều này làm ta vô cùng thấm thía về bài học chiến đấu cho số phận, cho tương lai. Đen xứng đáng là anh hùng của những anh hùng. Tác giả đã điển hình hoá cao độ một nhân vật anh hùng.

Do say mê nhân vật và với tấm lòng quá yêu nhân vật, tác giả đã có phần lý tưởng hoá hơi quá mức nhân vật của mình. Đen gần như giỏi và siêu về mọi mặt. Đen hoàn toàn quá, không có khuyết nhược điểm gì, cả đến vấn đề giới tính cũng quá trong trắng, bao nhiêu cô gái đẹp chủ động gợi tình mà Đen cũng không đáp ứng. Ngay tiểu thuyết Vạn xuân viết về Nguyễn Trãi nhà văn Pháp Eveline Feray cũng dựng cảnh Nguyễn Trãi thi đỗ xong đã cùng các bạn đến nhà hát ca trù để giải trí trong khi đó nhà văn Lương Hiến lại ép xác anh Đen quá mức. Tôi không nói là tác giả phải gán ghép cho anh Đen một số khuyết điểm nào đó mà thực tế là nếu ta quan sát và nghiên cứu tìm hiểu cho kỹ thì chẳng có con người nào lại toàn diện.

C. Cảm xúc trữ tình

Trong hai quyển tiểu thuyết "Ngọt ngào" và "Êm dịu" đã có nhiều trang, nhiều đoạn miêu tả phong cảnh thiên nhiên tươi đẹp, những cảm xúc dạt dào, những rung động tâm hồn và sự hoà hợp giữa tâm hồn người với thiên nhiên. Đoạn văn viết về Đen, Thu tình tự (trang 43), đoạn văn viết về đêm trăng (trang 139), đoạn Đen đi với út (trang 206), đoạn viết về Đen cùng Tư lệnh quân khu trên đường đi báo cáo (trang 311-312) là những trang văn đầy ắp những cảm xúc trữ tình. Đây là những đoạn văn làm thư giãn đầu óc, làm thư thái tâm hồn người đọc (nhất là trong truyện chiến đấu căng thẳng). Tác giả không nên hạn chế viết ngắn những đoạn này.

D. Cách nhìn đối với chiến tranh.

Đây là một vấn đề khó nói nhất. Ta biết rằng theo tư tưởng chính thống, không bao giờ được nói chiến tranh chung chung mà phải phân biệt chiến tranh chính nghĩa và phi nghĩa, chiến tranh xâm lược và chống xâm lược. Khi cuộc chiến đấu đang hồi quyết liệt nhất có những nhà thơ, nhà tư tưởng của ta đã đề cao vai trò của bạo lực cách mạng:

"Dẫu một cây chông trừ giặc Mỹ
Hơn nghìn trang giấy luận văn chương"

(Tố Hữu)

Chế Lan Viên đã ca ngợi hầm chông là nhân đạo nhất:

"Cái hầm chông! hỡi cái hầm chông!
Ta yêu người hơn vạn đoá hoa hồng"

Trên thế giới có nhiều luận điểm trái ngược nhau về vấn đề này. Léptônstôi lên án chiến tranh mạnh mẽ ông cho chiến tranh là điều bỉ ổi nhất của loài người. Lịch sử nước Pháp dạy ở chương trình Tiểu học lại tự hào viết rằng người Gôloa tổ tiên của người Pháp vốn rất hiếu chiến. Bên Tàu cũng có câu: "Chí làm trai da ngựa bọc thây". Ở nước ta, một số suy nghĩ về chiến tranh trong "Phá vây" của Phù Thăng và trong "Thân phận tình yêu" của Bảo Ninh cũng bị một số nhà phê bình phản đối. Ở ấn Độ có một thời khá dài người ta lại chủ trương không dùng bạo lực kể cả với kẻ thù xâm lược. Trong tình hình phức tạp như vậy tác giả nên để cho các nhân vật tranh luận và người đọc tự tìm lời giải đáp.

E. Cách nhìn đối với cải cách ruộng đất

Muốn xem xét một sự kiện quan trọng nào đó của lịch sử hay một chân lý nào đó, ta phải tiếp cận từ

nhiều phía, nhìn từ nhiều góc độ thì đánh giá mới thật chính xác. Các phần viết về cải cách ruộng đất của Nguyễn Quang Lập trong "Những mảnh đời đen trắng", của Lê Lưu trong "Thời xa vắng", của Dương Thu Hương trong "Thiên đường mù" đều không thoả đáng vì họ chỉ chụp ảnh một phía của sự thật, như kiểu thầy bói xem voi.

Dưới con mắt của một nạn nhân thì đoạn viết của Lương Hiền về cải cách ruộng đất (trang 330-331) là hoàn toàn đúng (cải cách ruộng đất như một làn gió chướng và cán bộ cải cách ruộng đất xuất hiện như những hung thần).

Dưới con mắt của những người vừa là nạn nhân, vừa là tội phạm thì sao? Có người là Đoàn uỷ viên đoàn cải cách ruộng đất nhưng gia đình họ cũng bị đấu tố quy sai, có người tối hôm trước vừa ngồi ghế chánh án xử địa chủ cường hào gian ác, sáng hôm sau bị người ở quê hương đến bắt về để đấu tố vào tối hôm sau. Thật là bi mà có cả hài, trớ trêu, chua chát. Những người đó thấy rõ nguyên nhân sâu xa là sự ấu trĩ, một thời giáo điều rập khuôn, một thời nô lệ kinh nghiệm nước ngoài đến mức phi lý (Ví

dụ quy định số hộ địa chủ phải chiếm 5% tổng số hộ). Nếu ta lấy con mắt của người một trăm năm sau nhìn lại quá trình cách mạng Việt Nam ta sẽ thấy đây vẫn là một sai lầm nghiêm trọng nhưng đó là một nỗi đau của sự sinh thành.

Chế Lan Viên từng viết:

"Đầu là chúa cũng sinh từ ruột máu

Ta để ra đời sao khỏi những cơn đau"

Để một đất nước sang trang mới, không những ta phải trải qua máu lửa sắt thép với quân thù mà còn phải trải qua nhiều vấn đề nội bộ. Ta sẽ thấy rằng đây là những cơn đau trở dạ để ra đời một nước Việt Nam mới, cái đau của buổi sinh thành. Khi ấy mới sau khởi nghĩa 10 năm, chưa bằng một chớp mắt của lịch sử, dân tộc ta đang còn trứng nước.

Nếu như đem gộp cả 3 quyển tiểu thuyết "Cửa ngõ thiên đường", "Ngọt ngào" và "Êm dịu" về giai đoạn kháng chiến chống Pháp, bộ ba tiểu thuyết đó đã đạt được yêu cầu tổng hợp với ba tính chất: Sử thi, anh hùng ca và trữ tình.

Ngày 20-02-2002

Xuân Nùng

NHỮNG TẤM LÒNG NHÂN HẬU**(ĐỌC TIỂU THUYẾT "HAI NGƯỜI ĐÀN BÀ" CỦA ĐỖ THỊ THU HIỀN)***Nhà xuất bản Thanh niên*

Tiểu thuyết "Hai người đàn bà" kể về một câu chuyện éo le.

Trường và Xuyên yêu nhau ở chiến trường. Khi có thai Xuyên bị buộc về quê, gia đình không chấp thuận, Xuyên đã bơ vơ trôi dạt rồi gặp một bà già bán quán tốt bụng cho ở nhờ để lần hồi sinh sống nuôi con. Hơn mười năm quá gian truân Xuyên đã thay đổi quá nhiều còm cõi và gần như hỏng mắt. Sau chiến tranh Trường đi tìm Xuyên khắp nơi không thấy ai dè Xuyên lại dạt về đúng quê hương của Trường. Trường đã lấy vợ và có con. Vợ Trường là cô giáo Hạnh có tấm lòng nhân hậu, vì muốn giúp em Trí học sinh là con của Xuyên nên đã đến chỗ ở của Xuyên để thăm hỏi. Khi thấy hoàn cảnh của Xuyên cô Hạnh đã cuống mang, đón về nhà mình, nhường chỗ ở và cho mượn đất vườn để Xuyên có cách sinh nhai. Tết đến,

Trường về chưa kịp nhận ra Xuyên, Xuyên đã nhận ra Trường và giữa đêm ba mươi Tết, Xuyên đưa con ra đi để hạnh phúc của Trường và Hạnh được vẹn toàn. Hạnh đã biết tất cả, cùng chồng ra ga để mời Xuyên về nhưng con tàu đã chuyển bánh.

Câu chuyện làm ta cảm động, những trang viết của truyện có một vẻ đẹp trang nhã.

Tình người, tình đồng đội, tình gia đình, những nét đẹp rực rỡ của tâm hồn Việt Nam từ nghìn xưa, nổi bật lên trong thời kháng chiến vẫn hiện diện trên mọi mặt của cuộc sống hôm nay, không phải đã phai pha hết trong kinh tế thị trường. Đó là ấn tượng sâu sắc nhất cho người đọc.

Cả hai nhân vật phụ nữ trong truyện đều toả sáng. Xuyên đã nhẫn nại và im lặng nuôi con, không đòi hỏi gì, không oán thán số phận. Cuộc đời Xuyên làm ta nhớ đến câu thơ Tố Hữu:

"Như bà mẹ sớm chiều gánh nặng

Nhẫn nại nuôi con suốt đời im lặng"

Mặc dầu cô đơn, bệnh tật, Xuyên vẫn tự lực phấn đấu để nuôi con, không muốn dựa dẫm ỷ lại vào ai, không muốn lợi dụng tấm lòng nhân hậu của người

khác. Đây cũng là một tính cách rất Việt Nam, khi khấm khá thì sẵn sàng giúp người khác, còn khi mình vất vả thì tự lực vươn lên, không cầu xin, luôn cúi để kiếm miếng ăn. Phải chăng chính đây là cái gốc của một dân tộc biết tự cường.

Còn Hạnh thật tiêu biểu cho lòng nhân hậu. Tuy Hạnh không làm việc gì to tát ồn ào nhưng nếu ai cũng sẵn lòng làm việc nghĩa như Hạnh thì cuộc đời này sẽ đẹp lên biết bao. Tính cách của Hạnh không bị đơn giản xuôi chiều, Hạnh có đấu tranh dần vật về những chuyện liên quan đến hạnh phúc riêng tư, không đến nỗi một chiều như Phương trong "Mùa lá rụng trong vườn". Tác giả đã dẫn dắt câu chuyện làm ta cảm thấy lòng tốt của Hạnh rất vô tư, hồn nhiên một cách thật lòng, không hề gượng ép và qua nhiều trải trở cuối cùng lòng nhân hậu vẫn thắng.

Mỗi quyển tiểu thuyết như một biển ngồn từ, người đọc nào cần mẫn và may mắn mới nhặt được một vài viên ngọc quý. Đọc truyện "Người cười" của VitocHugo tôi nhớ nhất câu "Thượng đế đã ban cây Trường Xuân cho sỏi đá và tình yêu cho con người". Tiểu thuyết "Hai người đàn bà" cũng có một viên ngọc

long lạnh. Đó là câu: "Hai nỗi buồn cô quạnh gặp nhau thành một niềm vui:" (Trang 98). Trước kia nhiều người từng nói khi có nỗi buồn mà gặp người đồng cảnh thì nỗi buồn vội đi, chưa ai nói "Hai nỗi buồn cộng lại thành một niềm vui". Đây là một phát hiện mới của Đỗ Thị Thu Hiền trong việc khám phá những cung bậc của tâm hồn. Những ai nhiều đau khổ có thể dùng phép cộng với một tâm hồn khác đồng dạng để biến đổi về chất thành một niềm vui. Đây là một câu tổng kết triết lý rất hay, mở ra một phương châm giải thoát cho những con người bất hạnh. Khi hai con người cô quạnh biết thương nhau, đáp đối cho nhau thì rõ ràng cái cô quạnh không còn nữa.

Sau thành công của nhiều truyện ngắn, với quyển tiểu thuyết "Hai người đàn bà" Đỗ Thị Thu Hiền đã có bước mới trong việc cấu tạo cốt truyện, bố cục trình tự, các biến cố, các chi tiết tương đối hợp lý và chặt chẽ.

Cũng như bất cứ một quyển tiểu thuyết nào (dù là của một nhà văn lớn) tiểu thuyết "Hai người đàn bà" cũng có những nhược điểm. Một điều đáng tiếc là tác giả đã thể hiện nhân vật Xuyên như một con người cam chịu số phận, mối tình đẹp một thời như đã chết

trong lòng Xuyên. Đáng ra tình yêu đó phải cháy mãi và chính nó là động lực giúp Xuyên đủ nghị lực nuôi con và hy vọng ở ngày mai. Sự tỏa sáng của nhân vật này do vậy còn bị hạn chế.

Tác giả cũng tỏ ra còn ngại dẫy những xung đột đến cao trào mà còn vội kết thúc chóng vánh những bất đồng mâu thuẫn rồi chuyển ngay sang biến cố mới. Về bi kịch gia đình, tác giả để ông bố quát tháo mấy câu và cô con gái xách ba lô đi ngay. Khi họp hội đồng nhà trường tác giả cũng vội để hiệu trưởng kết luận sớm. Người đọc còn có cảm giác như tác giả cố viết cho truyện ngắn lại.

Với những thành công trong tiểu thuyết "Hai người đàn bà" cây bút Đỗ Thị Thu Hiền tỏ ra đang độ chín và có nhiều triển vọng./.

Xuân Nùng

ĐỌC TRUYỆN NGẮN "LỄ ĐỜI" CỦA HOÀNG GIANG PHÚ (Nhà xuất bản Lao động 2000)

Với tập truyện ngắn "Lễ đời", tác giả Hoàng Giang Phú đã ghi lại một vệt dài về cuộc sống của đất nước ta từ thời chống Pháp, chống Mỹ, đến cuộc khủng hoảng kinh tế xã hội sau chiến tranh, đến giai đoạn chuyển sang kinh tế thị trường với cả những mặt sáng và bóng tối. Các câu chuyện lại diễn ra trên một không gian rất rộng từ các miền quê đồng bằng ven sông đến các thị xã tỉnh nhỏ, từ miền biên giới đến vùng ven biển. Có thể nói tác giả đã qua tập truyện cảm những cái mốc quan trọng trên chặng đường lịch sử nước ta khoảng nửa thế kỷ.

Hoàng Giang Phú đã viết nhiều về những con người bất hạnh. Năm trong số tám truyện là viết về đề tài đó. Đất nước ta đang đổi mới từng ngày. Cuộc sống đã khấm khá lên nhiều. Riêng những người có số phận không may còn phải chịu đựng nhiều thiệt thòi. Một đất nước có chế độ ưu việt không thể để những

bất hạnh ấy phải chịu nhiều đau khổ. Đã đến lúc cả nước phải quan tâm nhiều hơn đến vấn đề này và các nhà văn phải đi tiên phong trong sự nghiệp đó. Đó là giá trị nhân văn của cuốn sách "Lẽ đời".

Cuộc đấu tranh giữa cái thiện và cái ác, giữa cái thiện và cái không thiện đã diễn ra trên tất cả 8 truyện. Tác giả đã tô lúc đậm, lúc nhạt bức tranh đó, chỗ này sáng nhiều hơn, chỗ khác tối hơn nhưng không lúc nào người đọc phải tuyệt vọng.

Bên cạnh cháu bé Hiên lam lũ có bà bác sỹ Phượng nhân hậu, bên cạnh nàng câm có vợ chồng nhạc sỹ Hoàng (truyện Vàng Trắng). Bên cạnh Lân và Bạo còn có Cường (truyện Thăng quan), bên cạnh Tiến còn có Trang (truyện ở một vùng đầm).

Trong tập truyện "Lẽ đời" rõ nhất là trong truyện ngắn "Cô Phan" nhiều đoạn văn mang đậm chất thơ như đoạn tả cô Phan và đưa cháu từ dòng 14 đến dòng 21 trang 7 và đoạn từ dòng 13 đến dòng 15 trang 10: "Quýt từng sọt đỏ ối được chuyển xuống bến sông, để lại vườn cây ngẩn ngơ xanh ngắt".

Sau đây tôi xin đi vào 3 truyện mà tôi cho là hay hơn các truyện khác.

Truyện cô Phan kể về cuộc đời một người đàn bà bất hạnh. Trong lịch sử tiểu thuyết và truyện ngắn của nước ta đã có rất nhiều truyện về đề tài này. Người phụ nữ trong tiểu thuyết "Nợ nần" của Nguyễn Công Hoan hết khổ vì chồng lại đến khổ vì con suốt cả một đời. Cô Tú hai trong truyện "Sóng gió Đồng Châu" của Thái vi Lang kể về một người đàn bà đi làm lẽ, bị chà đạp và sống trong tủ nhục đến lúc chết. Khi đọc những truyện đó ta rất cảm động song chỉ rút ra được một điều là căm hận chế độ bất công tàn ác của thời phong kiến. Còn truyện cô Phan cũng có đủ mọi gian nan vất vả nhưng cuộc đời cô lại sáng như vàng trắng, đẹp như viên ngọc. Cô đã hy sinh cả cuộc đời, cả tuổi xuân, cả hạnh phúc hôn nhân để gánh vác những công việc mà lẽ ra cô có quyền từ chối. Với sự nuôi dạy và chăm sóc của cô Phan, các em và các cháu đã nên người, đi đánh giặc, làm khoa học, lập nhiều công: Cô Phan đối xử chăm sóc các em và các cháu còn hơn cả tình mẫu tử, cô Phan không ra tiền tuyến, không làm khoa học, cô chỉ chăm sóc những con người. Cô Phan ít chữ, giản dị, nàu sồng nhưng đã đào tạo một lứa em, cháu xuất sắc như người làm

vườn dăng đời những hoa thơm quả ngọt. Thời kháng chiến ta đã biết có nhiều vùng quê, thanh niên trai tráng đều ra tiền tuyến mọi nghĩa vụ đặt lên vai những người phụ nữ. Đây là công lao đặc biệt của phụ nữ Việt Nam trong suốt chặng đường dài của lịch sử kháng chiến. Hình tượng cô Phan làm ta vừa cảm phục vừa thương yêu như Huy Cận từng ca ngợi"

"Chị em tôi toả nắng vàng lịch sử"

Với truyện "Vàng trắng" tôi đọc lần đầu thấy băn khoăn về ý nghĩa của truyện. Nếu nàng câm chỉ sống trong bất hạnh rồi bị tai nạn và chết, vậy truyện này chỉ để lại một sự đau buồn thôi sao. Đọc lần thứ hai tôi cũng chưa tìm được lời giải đáp. Đọc lần thứ ba, tôi thay đổi góc nhìn, tìm cách tiếp cận tác phẩm bằng một công cụ khác đó là góc nhìn "Văn hoá học". Vấn đề đã sáng ra, thì ra nhân vật chính của truyện "Vàng trắng" không phải là cô gái câm mà chính là Hoàng, người nhạc sỹ tài hoa có tấm lòng nhân hậu. Chính vì có tấm lòng trân trọng cái đẹp, yêu thương những con người bất hạnh nên nhạc sỹ Hoàng mới có thành công lớn trong những bài hát nổi tiếng một thời. Nhân cách của nhạc sỹ cũng đẹp như bài ca mà ông sáng tác.

Chính cái đẹp tâm hồn của nhạc sỹ cộng với tài hoa mới làm nên khúc ca bất hủ. Gần đây có người còn cho rằng truyện của Nguyễn Huy Thiệp cần được vào sách giáo khoa, bất chấp những lỗi lầm nghiêm trọng của anh này với lý lẽ rằng chỉ căn cứ vào văn, không cần biết nhà văn sống ra sao. Điều này thật phi lý. Với truyện ngắn "Vàng trắng", Hoàng Giang Phú đã có một tuyên ngôn về quan điểm nghệ thuật của mình.

Nếu hai truyện ngắn "Cô Phan" và "Vàng trắng" cho ta nhiều cảm nhận tốt đẹp về phẩm chất của những con người Việt Nam qua hai cuộc kháng chiến cũng như trên con đường nghệ thuật thì truyện "Kỷ niệm cuộc đời" lại lấp lánh một màu sắc trí tuệ. Trước yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, đã xuất hiện những mẫu người đầy tài năng giàu nhiệt huyết, vượt mọi khó khăn. Điều độc đáo ở đây là nhân vật Phi đã về hưu mà như một con ngựa chiến, không chịu ngồi yên, vẫn muốn xông pha đóng góp với đời, thể hiện vai trò của lớp người cao tuổi. Ở Việt Nam đã có nhiều tấm gương sáng về sự đóng góp của người cao tuổi mà điển hình là giáo sư Vũ Khiêu, sau mười năm về hưu còn được phong anh hùng về những công

trình sáng tạo. Hơn lúc nào hết, lời dạy của Bác Hồ càng sáng tỏ:

"Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội phải có con người xã hội chủ nghĩa". Bên cạnh lớp người như ông Phi cũng còn không ít những người đang tuổi trẻ và trung niên nhưng chỉ sáng đi tối về như một cái bóng mờ nhạt của các công chức một thời đất nước còn nô lệ.

Qua truyện ngắn này tác giả đã xây dựng được một điển hình, con người mới trong lớp người tưởng như đã cũ. Lớp người đã cũ còn có thể đổi mới như vậy. Lớp người hiện đại sẽ sống sao đây, truyện đã mở ra một tầm nhìn mới.

Tập truyện "Lẽ đời" cũng có nhiều nhược điểm. Cách hành văn của tác giả có chỗ chưa thật làm sáng tỏ vấn đề. Cô Xoan, Cô Diệu (trong truyện Cô Phan) bị "nghịch chương tiền oan" ra sao mà số phận trở nên bi thảm. Anh Cò (truyện "Anh Cò") học việc thế nào không rõ mà như có phép thần đổi đời nhanh chóng. Con người tốt như thầy Lương (truyện "Thầy Lương") bị dồn vào chỗ quá cô đơn. Chẳng lẽ sau khi thầy bị nạn và thôi việc không có đồng đội nào thăm hỏi, không có ai đồng cảm. Dù hoàn cảnh thật có nơi

có lúc như thế nhưng sự thật mà nhà văn sáng tác còn phải cao hơn sự thật, Nhà văn không chỉ chụp ảnh cuộc sống mà là sáng tạo ra cuộc sống bằng phương pháp tái tạo trên trang giấy.

Dù sao chỉ với số lượng 8 truyện ngắn. 122 trang tác giả Hoàng Giang Phú đã tái hiện nhiều bình diện cuộc sống, cống hiến cho bạn đọc nhiều giá trị nhân văn.

6-12-2004.

Xuân Nùng

MỤC LỤC

STT	TÊN BÀI	<i>Trang</i>
PHẦN I		
BÌNH LUẬN VÀ GIỚI THIỆU THƠ HÀ NAM		
1	Cảm nhận thơ	6
2	Giới thiệu tập thơ "Thơ Phú Lý"	13
3	Một mùa thu quý như vàng	41
4	Người trai quê đáng yêu	47
5	Một trái tim có vạn hạt tình	53
6	Một cuộc tìm trăm trong cõi thơ	61
7	Cơn đường ngoạn mục	70
8	Thơ về cánh hoa bèo	75
9	Những cung bậc tình yêu trong thơ Phạm Quyết	78
10	Mùa xuân và tình yêu	83
11	Những bàn tay nhiệm mầu	87
12	Thân gái dặm trường	91
13	Thơ Lại Tiến Hưng - Một hồn thơ đa cảm	100
PHẦN II		
ĐÔI ĐIỀU NGHIÊN CỨU VỀ THƠ CA		
1	Làm thế nào để có thơ hay	110
2	Cách viết một bài thơ ca trữ	129
3	Nét đẹp của một bài ca dao	134
PHẦN III		
MẤY CÂY BÚT VĂN XUÔI		
1	Những tiểu thuyết vừa anh hùng ca vừa trữ tình	138
2	Những tiểu thuyết mang tính sử thi	144
3	Những tấm lòng nhân hậu	154
4	Tập truyện ngắn "Lẽ đời"	159